

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Đối tượng: Bác sĩ Nội trú – chuyên ngành Y học cổ truyền

HÀ NỘI - 2018

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 146/QĐ-HVYDHCTVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban đề cương các học phần trong chương trình đào tạo
Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-BYT ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/7/2006 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú;

Thông tư số 07/2015/TT - BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 551/KH-HVYDHCTVN ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 30 tháng 12 năm 2018
Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

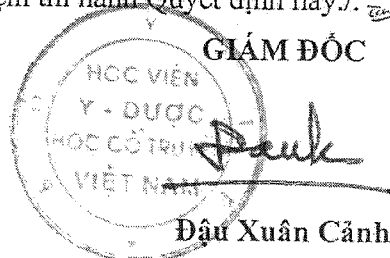
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền (Đề cương chi tiết học phần kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khóa tuyển sinh năm 2018.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo Sau đại học, Kiểm định chất lượng đào tạo, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính quản trị, Tài chính kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Đăng Website của Học viện;
- Lưu: VT, ĐTSDH.

GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

**DANH SÁCH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ
Y HỌC CỔ TRUYỀN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-HVYDHCTVN ngày 19 tháng 02 năm 2019
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ
1	HVTR	Triết học Mác - Lê Nin	3.0
2	HVNN	Ngoại ngữ chuyên ngành	5.0
3	HVTH	Tin học ứng dụng	2.0
4	HVTP	Các tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền (Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Nội kinh, Nạn Kinh, Kim quỹ yếu lược Thương hàn luận)	4.0
5	HVSP	Phương pháp giảng dạy đại học	3.0
6	HVNC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.0
7	HVSLB-MD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1.0
8	HVHS	Hồi sức cấp cứu	7.0
9	HVPT	Phương tễ học lâm sàng (tích hợp trong điều trị)	2.0
10	HVCC	Châm cứu (tích hợp trong điều trị)	4.0
11	HVKC	Khí công - Dưỡng sinh -XBBH (tích hợp trong điều trị)	4.0
12	Y học hiện đại (chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau)		
	HVNK	Chuyên ngành Nội khoa (Hô hấp - Tim mạch - Tiêu hóa - Thận Tiết niệu - Cơ xương khớp - Huyết học - Nội tiết)	12
Hoặc	HVNK	Chuyên ngành Ngoại khoa	12
13	Y học cổ truyền (chọn một trong các chuyên ngành sau)		



	HVNO	Chuyên ngành Nội	25.0
Hoặc	HVNG	Chuyên ngành Ngoại	25.0
Hoặc	HVNH	Chuyên ngành Nhi	25.0
Hoặc	HVPS	Chuyên ngành Phụ sản	25.0
14		Luận văn	25.0

~~42~~ 20

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: **Triết học**

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Đinh Nguyễn An

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa điểm liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Học viện Y Dược học cổ truyền VN

Điện thoại: 0944371111; Email: dinhnguyenan1181@gmail.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Bùi Thị Phương Thúy

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa điểm liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Học viện Y Dược học cổ truyền VN

Điện thoại: 0989727656 ; Email: Phuongthuy12883.pt@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Triết học

Tên tiếng Anh: Philosophy

2.2. Mã học phần: HVTR

2.3. Số tín chỉ : 03 tín chỉ lý thuyết ; 0 thực hành

2.4. Áp dụng cho:

+ Ngành đào tạo: **Y học cổ truyền**

+ Bậc đào tạo: **Bác sĩ nội trú**

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: Bắt buộc

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):

2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết

+ Làm bài kiểm tra trên lớp: 01 tiết

+ Thảo luận: 8 tiết

+ Tự học: 13 tiết

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Lý luận chính trị

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.

- Hiểu được tầm quan trọng và ghi nhớ được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay.

3.1.2. Kỹ năng:

Kết thúc môn học người học có được lối tư duy khoa học, biện chứng, có một thế giới quan và phương pháp luận triết học trong nhận thức đối tượng (đặc biệt là các đối tượng thuộc lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên) cũng như trong quá trình vận dụng kiến thức đã học để cải tạo thực tiễn.

3.1.3. Thái độ:

- Tôn trọng các nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong thực tiễn.

- Thấy được vai trò của khoa học công nghệ như là động lực của sự phát triển xã hội.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.

- Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình môn Triết học có 4 chương, trong đó gồm :

- Chương 1: Đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông và một phân tư tưởng triết học Việt Nam

- Chương 2: Gồm các nội dung nâng cao về Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.

- Chương 3: Đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ hiện nay.

- Chương 4: Phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội và thực trạng vấn đề này ở nước ta giai đoạn hiện nay.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương	Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC	<p>I. Triết học là gì?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm triết học 2. Đối tượng của triết học 3. Vấn đề cơ bản của triết học 4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm 5. Khả tri và bất khả tri 6. Biện chứng và siêu hình <p>II. Triết học phương Đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học Ấn Độ cổ đại 2. Triết học Trung Hoa cổ đại <p>III. Tư tưởng triết học Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề tư tưởng triết học Việt Nam. - Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh. <p>IV. Triết học phương Tây</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc thù của triết học phương Tây. 2. Triết học Hy Lạp cổ đại 3. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại. 4. Triết học cổ điển Đức. 5. Triết học phương Tây đương đại. 	16 tiết	<p>- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.</p> <p>- Hiểu được tầm quan trọng và nắm bắt được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, coi đó là kim chỉ nam cho hành động của bản thân</p>	<p>+ Giảng lý thuyết</p> <p>+ Thảo luận trên lớp</p> <p>+ Học viên tự học</p>	Đinh Nguyễn An

<p>Chương 2:</p> <p>TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN</p>	<p>I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều kiện kinh tế - xã hội 2. Tiền đề lý luận 3. Tiền đề khoa học tự nhiên 4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin. 5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin. <p>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật (mâu thuẫn, lượng chất, phủ định của phủ định). 3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật <p>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội 2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội 5. Tiến bộ xã hội. Quy luật về sự tiến bộ của xã hội loài người <p>IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những biến đổi của thời đại 2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin 	<p>12 tiết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nội dung 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng. - Nắm bắt được các ý nghĩa phương pháp luận được rút ra từ quá trình học tập, nghiên cứu các nguyên lý, quy luật, phạm trù nêu trên. - Kết thúc môn học người học có được lối tư duy khoa học, biện chứng, có một thế giới quan và phương pháp luận triết học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. - Tôn trọng các nguyên tắc, quan điểm được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin (nguyên tắc khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử-cụ thể...v.v.), lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong thực tiễn. 	<p>+ Giảng lý thuyết</p> <p>+ Thảo luận trên lớp</p> <p>+ Học viên tự học</p>	<p>Đinh Nguyễn An</p>
<p>Chương 3:</p>	<p>1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học</p> <p><i>a. Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn.</i></p>	<p>8 tiết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt được mối quan hệ tương hỗ giữa Triết học và Khoa học 	<p>+ Giảng lý thuyết</p>	

<p>MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC</p>	<p><i>b. Ý nghĩa của phát minh</i></p> <p>2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học</p> <p><i>a. Thế giới quan và phương pháp luận</i></p> <p><i>b. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học</i></p> <p><i>c. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dân đường</i></p>		<p>- Nhận thức được vai trò thế giới quan và phương pháp luận của Triết học đối với sự phát triển của khoa học.</p> <p>- Tôn trọng mối quan hệ 2 chiều giữa Triết học và Khoa học trong nhận thức, nghiên cứu khoa học và cải tạo hiện thực.</p>	<p>+ Học viên tự học</p>	<p>Đinh Nguyễn An</p>
<p>Chương 4: VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</p>	<p>1. Ý thức Khoa học</p> <p><i>a. Khoa học và sự ra đời và phát triển của nó.</i></p> <p><i>b. Các loại hình khoa học chủ yếu</i></p> <p>2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</p> <p><i>a. Cách mạng khoa học - công nghệ</i></p> <p><i>b. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</i></p> <p>3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam</p> <p><i>a. Thực trạng khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Những thành tựu về khoa học công nghệ ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay.</p> <p>- Những hạn chế, yếu kém.</p> <p>- Nguyên nhân của những thành tựu, yếu kém.</p> <p><i>b. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam</i></p> <p>- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoa học - công nghệ.</p> <p>- Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam.</p> <p>- Nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học công nghệ Việt Nam trong giai đoạn tới.</p>	<p>9 tiết</p>		<p>+ Giảng lý thuyết</p> <p>+ Thảo luận trên lớp</p> <p>+ Học viên tự học</p>	

6. Học liệu

* *Tài liệu chính*: Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học*

(dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo*:

- Trần Văn Thụy (2013): *Triết học Lý luận và vận dụng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Kiểm tra	Thảo luận				
1	Chương 1: Khái lược về Triết học	8		4		4		
2	Chương 2: Triết học Mác - Lênin	4	1	3		4		
3	Chương 3: Mối quan hệ giữa Triết học và Khoa học tự nhiên	4		4			Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo	
4	Chương 4: Vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội	4		4		1		

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi tự luận hoặc Viết bài tiểu luận
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Điểm tổng kết học phần: 100% trong đó:

- Điểm chuyên cần: Chiếm 10%

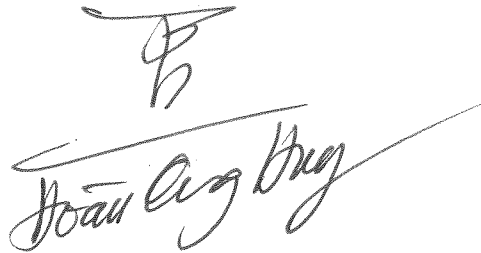
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: Chiếm 30%

- Điểm thi kết thúc học phần: Chiếm 60%

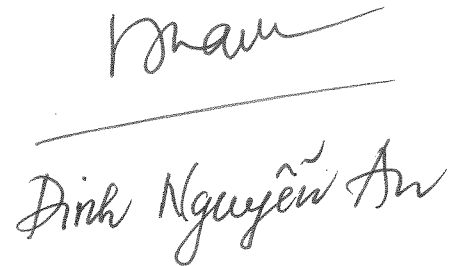
9.3. Điểm tổng kết học phần phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT


Nguyễn Công Bằng

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN


Đinh Nguyễn An

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Tiếng Trung chuyên ngành

Đối tượng: Bác sĩ nội trú – CN Y học cổ truyền

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: **Nguyễn Chi Lê**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Phòng 1011, Tòa nhà A, HV YDHCTVN

Điện thoại: 0936.719966 Email: chile982002@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail): Không

- Giảng viên tham gia giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thừa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: **Tiếng Trung chuyên ngành**

Tên tiếng Anh: **Chinesse for Medical Purposes**

2.2. Mã học phần:

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/thực hành/tự học): 05 (03LT/0TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: **Y học cổ truyền**

+ Bachelor: **Bác sĩ nội trú**

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (*bắt buộc hay tự chọn*) **Bắt buộc**

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7. Các yêu cầu khác đối với học phần: Ngoại ngữ thi đầu vào là tiếng Trung, tương đương trình độ HSK3 hoặc tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30

+ Làm bài tập trên lớp: 20

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: 25 tiết

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm 2-5 học viên

+ Tự học: 90

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

3. Mục tiêu của Học phần:

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1 Về kiến thức

+ Học viên nắm được các thuật ngữ chuyên ngành trong các lĩnh vực như chẩn đoán, điều trị, giải quyết vấn đề, lên kế hoạch chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người bệnh.

+ Học viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết được lồng ghép trong mỗi đơn vị bài học xây dựng trong môi trường chuyên ngành.

+ Học viên hiểu và có thể thiết lập các tình huống giao tiếp về chuyên môn bằng tiếng Anh.

+ Học viên được làm quen với việc đọc hiểu các bài viết chuyên ngành y ở mức độ trung cấp.

3.1.2. Về kỹ năng

Học viên củng cố và phát triển được những kỹ năng sau:

Kỹ năng Nghe

+ Nghe lấy thông tin chi tiết; phát triển thêm kỹ năng nghe và ghi lại được thông tin chính; nghe hiểu và nói lại được ý chính của một đoạn văn ngắn trong bản tin; nghe và tóm tắt bài khoá.

Kỹ năng Nói

+ Biết sử dụng từ ngữ và cấu trúc ngôn ngữ để khai thác và miêu tả triệu chứng bệnh, giải thích quy trình điều trị cho bệnh nhân, giải thích công dụng của thuốc điều trị cho bệnh nhân, chẩn đoán, điều trị, giải quyết vấn đề, lên kế hoạch chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người bệnh...

+ Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề, biết cách thuyết trình trước lớp hoặc trước đám đông về các chủ đề học trong chương trình.

+ Nắm được các kỹ năng thuyết trình: bắt đầu và kết thúc một bài thuyết trình, cấu trúc một bài thuyết trình, chuyển ý giữa các phần trong bài thuyết trình, cách sử dụng các giáo cụ trực quan, sử dụng ngôn ngữ cử chỉ, chuẩn bị và trả lời các câu hỏi từ người nghe...

Kỹ năng Đọc

+ Đọc các bài khóa có liên quan đến chủ đề học trong chương trình: đọc và xác định ý chính trong bài; đọc và xác định các thông tin chi tiết; sử dụng thông tin trong ngữ cảnh để đoán nghĩa của từ, tóm tắt và tự đặt ra câu hỏi trong khi đọc...

+ Hiểu bài đọc và áp dụng thành thạo các kỹ năng đọc để giải quyết tốt các bài tập có liên quan đến nội dung bài đọc như: đọc và trả lời câu hỏi, điền thông tin còn thiếu vào đoạn văn, sắp xếp lại các sự kiện trong bài, tìm từ đồng nghĩa, đoán nghĩa của từ dựa vào văn cảnh v.v...

Kỹ năng Viết

+ Tiếp tục củng cố và nâng cao kỹ năng viết thư đã học ở môn học Tiếng Trung cơ bản, viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo...

Kỹ năng Dịch

+ Kỹ năng dịch ngược và dịch xuôi, đồng thời thực hành dịch các tài liệu chuyên ngành.

3.1.3. Thái độ

+ Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy logic.

+ Hình thành và phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học.

+ Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động học tập.

+ Hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng phục vụ cho việc học.

+ Hình thành kỹ năng trình bày, giải thích và tranh luận về một vấn đề trước các thành viên khác trong lớp.

+ Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm

+ Tự tin trong thảo luận và trình bày các yêu cầu của bài học.

+ Trung thực trong làm bài, không quay cóp, không sử dụng bài của người khác.

+ Có thái độ nghiêm túc, hăng hái trong việc thực hành và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.

+ Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

Nội dung 1: Châm cứu

- Học viên vận dụng, đặt câu đợc với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Châm cứu.
- Học viên đọc, dịch đợc bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Châm cứu có tác dụng điều chỉnh như thế nào đối với các tổ chức cơ quan ở cơ thể người? Liệu pháp châm cứu có ảnh hưởng như thế nào ở Trung Quốc và trên thế giới?
- Học viên nắm đợc và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình châm cứu.
- Học viên nắm đợc phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm cứu, tác dụng của châm cứu, sự ảnh hưởng của châm cứu đối với Trung Quốc và thế giới.

Nội dung 2: Vương Duy Nhất và Châm cứu đồng nhân

- Học viên vận dụng, đặt câu đợc với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Châm cứu, về danh y và Châm cứu đồng nhân.
- Học viên đọc, dịch đợc bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Vương Duy Nhất là danh y thời kỳ nào? Ông có cống hiến gì về châm cứu y học? Tác phẩm “Đồ kinh châm cứu huyết vị đồng nhân” là tác phẩm như thế nào? Châm cứu đồng nhân đợc đúc thành công như thế nào? Dùng mô hình Châm cứu đồng nhân để tiến hành thi châm cứu như thế nào?
- Học viên nắm đợc và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình châm cứu.
- Học viên nắm đợc phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm cứu, tác dụng của châm cứu, sự ảnh hưởng của châm cứu đối với Trung Quốc và thế giới.

Nội dung 3: Điều trị bằng châm cứu

- Học viên vận dụng, đặt câu đợc với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Liệu pháp châm thích.
- Học viên đọc, dịch đợc bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: thế nào là liệu pháp châm thích? Liệu pháp châm thích có nguồn gốc từ đâu? Kim đợc dùng trong châm thích có mấy loại? Góc châm thích có mấy góc? Có mấy thủ pháp châm thích? Thế nào là “đắc khí”?
- Học viên nắm đợc và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan liệu pháp châm thích.
- Học viên nắm đợc phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp châm thích, chống chỉ định trong sử dụng liệu pháp châm thích.

Nội dung 4: Điều trị bằng nhĩ châm

- Học viên vận dụng, đặt câu đợc với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Liệu pháp nhĩ châm.
- Học viên đọc, dịch đợc bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: thế nào là liệu pháp nhĩ châm? Liệu pháp châm thích có nguồn gốc từ đâu? Kim đợc dùng trong châm thích có mấy loại? Góc châm thích có mấy góc? Có mấy thủ pháp châm thích? Thế nào là “đắc khí”?

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan liệu pháp châm thích.

- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp châm thích, chống chỉ định trong sử dụng liệu pháp châm thích.

Nội dung 5: Điều trị bằng cứu giác

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Điều trị bằng cứu giác.

- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Thế nào là phép cứu? Phép cứu tại sao bảo vệ sức khỏe và điều trị? Phép cứu chủ yếu có hai loại nào? Phép cứu thường dùng điều trị triệu chứng nào? Người già Nhật Bản tại sao có thể sống thọ?

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan liệu pháp cứu giác.

Nội dung 6: Ôn tập 1

- Học viên vận dụng, đặt câu với các hiện tượng ngữ pháp là câu phức tăng tiến, câu phức nguyên nhân – kết quả.

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: vận dụng các câu phức trong đọc hiểu, nghe, viết và nói;

- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến châm cứu, liệu pháp châm thích, liệu pháp cứu giác, liệu pháp nhĩ châm, tác dụng của liệu pháp châm thích, chống chỉ định trong sử dụng liệu pháp châm thích.

Nội dung 7: Xoa bóp

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Xoa bóp

- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: xoa bóp là gì? Phương pháp xoa bóp là gì? Có mấy loại phương pháp xoa bóp thường dùng? Tại sao xoa bóp có thể bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh? Xoa bóp thường được dùng để chữa những chứng bệnh gì?

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình xoa bóp điều trị.

- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp xoa bóp điều trị, chống chỉ định trong xoa bóp điều trị.

Nội dung 8: Thảo dược: Truyền thuyết cam thảo

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Trung dược

- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: nguyên liệu chính của Trung dược là gì? Tính năng của một loại thảo dược là như thế nào? Tác dụng chữa bệnh của cây cam thảo? Chủ yếu chữa trị chứng bệnh là gì?

- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Trung dược:

Nội dung 9: Nhân sâm

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Trung dược

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về đông dược, về vị thuốc liên quan, như: Nhân sâm có mấy loại? Tác dụng chữa trị chủ yếu của nhân sâm là gì? Khí hư thông thường có chứng trạng gì? Nên ăn nhân sâm loại gì? Khí hư nghiêm trọng có chứng trạng gì? Nên ăn nhân sâm loại gì? Tại sao nhân sâm có thể bổ hư?
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Trung dược:

Nội dung 10: Sắc thuốc

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về bào chế, sắc thuốc Trung dược;
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: thuốc thang Trung y là gì? Sắc thuốc Trung dược tốt nhất dùng dụng cụ nào? Tại sao? Trước khi sắc thuốc Trung dược, tại sao phải ngâm vào nước lạnh một lúc? Khi sắc thuốc cần nắm chắc lượng nước, độ lửa, và thời gian khi sắc thuốc? “sắc trước” và “houxia” có nghĩa gì? Loại thuốc nào cần 先煎, loại thuốc nào cần 后下? Tại sao?
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về phương pháp bào chế thuốc nước;
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ bào chế trung dược.

Nội dung 11: Ôn tập 2

- Học viên vận dụng, đặt câu với các hiện tượng ngữ pháp là câu phức liên hợp, câu phức chuyên triết.
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: vận dụng các câu phức trong đọc hiểu, nghe, viết và nói;
- Học viên nắm được phần ngữ pháp, từ vựng liên quan đến xoa bóp, thảo dược và sắc thuốc.

Nội dung 12: Đặc điểm cơ bản của lý luận y học cổ truyền

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Lý luận cơ bản Trung y.
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: đặc điểm cơ bản của Trung y? Tại sao lại nói cơ thể người là chỉnh thể hữu cơ? Mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên? Thế nào là “biện chứng”? Thế nào là “luận trị”? Sự khác nhau giữa “chứng” và “bệnh”?....
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về đông dược, về thuật ngữ chuyên ngành y học cổ truyền, chẩn đoán y học cổ truyền.
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Lý luận cơ bản Trung y.

Nội dung 13: Học thuyết âm dương

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Học thuyết âm dương;
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Học thuyết âm dương giải thích như thế nào về các sự vật và hiện tượng trong thế giới tự nhiên; Các tổ chức bộ phận cơ quan ở cơ thể người được phân âm – dương như thế

nào? Học thuyết âm dương giải thích hoạt động sinh lý của cơ thể người? Học thuyết âm dương giải thích như thế nào về phát sinh và biến đổi bệnh tật? Học thuyết âm dương dùng để chỉ đạo chẩn đoán và điều trị như thế nào?

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về học thuyết âm dương, ứng dụng học thuyết âm dương vào điều trị bệnh;

Nội dung 14: Học thuyết ngũ hành

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Học thuyết ngũ hành;

- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Học thuyết ngũ hành là gì; Học thuyết ngũ hành giải thích hoạt động sinh lý của cơ thể người? Học thuyết ngũ hành giải thích như thế nào về phát sinh và biến đổi bệnh tật? Học thuyết ngũ hành dùng để chỉ đạo chẩn đoán và điều trị như thế nào?

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về học thuyết ngũ hành, ứng dụng học thuyết ngũ hành vào điều trị bệnh;

Nội dung 15: Học thuyết tạng phủ

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Học thuyết ngũ hành;

- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Học thuyết tạng phủ là gì; Học thuyết tạng phủ giải thích hoạt động sinh lý của cơ thể người? Học thuyết tạng phủ giải thích như thế nào về phát sinh và biến đổi bệnh tật? Học thuyết tạng phủ dùng để chỉ đạo chẩn đoán và điều trị như thế nào?

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về học thuyết tạng phủ, ứng dụng học thuyết tạng phủ vào điều trị bệnh;

Nội dung 16: Khí, huyết, tân dịch (1)

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về khí, huyết, tân dịch.

- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Khí trong Trung y có mấy ý nghĩa? Khí trong cơ thể người có mấy loại, mỗi loại có những tác dụng gì? Thăng, giáng, xuất, nhập của khí là gì?

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về khí, huyết, tân dịch.

- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ khí, huyết, tân dịch.

Nội dung 17: Khí, huyết, tân dịch (2)

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về khí, huyết, tân dịch.

- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Huyết được hình thành từ đâu? Tác dụng chính của huyết là gì? Vận hành bình thường của máu dựa vào những hoạt động chức năng nào trong nội tạng? Khí và huyết có

những điểm nào giống nhau và khác nhau? Mối quan hệ giữa khí và huyết như thế nào? Tân dịch là gì? Tác dụng của tân dịch là gì? “Tam tiêu khí hóa” là chỉ cái gì?

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ đề: nghe, hiểu và trao đổi về khí, huyết, tân dịch.

- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ khí, huyết, tân dịch.

Nội dung 18: Ôn tập 3

- Học viên vận dụng, đặt câu với các hiện tượng ngữ pháp là câu phức liên hợp, câu phức chuyển triết, câu phức nguyên nhân – kết quả;

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ đề: vận dụng các câu phức trong đọc hiểu, nghe, viết và nói;

- Học viên nắm được phần ngữ pháp, từ vựng liên quan đến học thuyết Âm dương, học thuyết Ngũ hành, học thuyết tạng phủ và Khí, huyết, tân dịch.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Khi học bất kỳ thứ tiếng nào, ngoài việc học kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ra, khi học viên đã có được vốn kiến thức cơ bản nhất định sẽ có nhu cầu nâng cao ngoại ngữ để phục vụ cho chuyên môn, chuyên ngành mà mình đang nghiên cứu. Đối với những học viên đã và đang làm việc trong lĩnh vực y học cổ truyền thì môn Hán ngữ Trung y là rất cần thiết. Khi học môn này học viên sẽ học được nhiều từ ngữ và thuật ngữ chuyên ngành, kết cấu ngữ pháp qua các bài khóa mang tính lí luận và thực tiễn trong y học cổ truyền. Tiến trình bài giảng như sau:

(1) Trước tiên đọc từ mới và bài khóa sẽ làm cho vốn từ vựng của học viên trở nên phong phú và sinh động với những ví dụ cụ thể từ bài khóa.

(2) Bài khóa là nguồn cung cấp dồi dào tư liệu cho môn viết. Khi học viên đọc một bài viết bằng tiếng Trung chuyên ngành, chính nó đã là một ví dụ thực tế minh họa cho những bài luận tiếng Trung. Những bài viết như thế cung cấp cho học viên những cấu trúc cũng như cách diễn đạt mà học viên có thể dùng trong bài viết của mình.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiêu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Nội dung 1: Châm cứu	<p>第一课: 针灸</p> <p>Bài 1: Châm cứu</p> <p>一、生词: 35 个生词; 3 个专名</p> <p>二、课文: 《针灸》</p> <p>三、词语用法举例:</p> <p>1、包括; 2、为...所...; 3、对于; 4、通过; 5、一定</p> <p>四、注释: 1、为...所...; 2、对于; 3、通过; 4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献</p>	4 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Châm cứu. - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Châm cứu có tác dụng điều chỉnh như thế nào đối với các tổ chức cơ quan ở cơ thể người? Liệu pháp châm cứu có ảnh hưởng như thế nào ở Trung Quốc và trên thế giới? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình châm cứu. - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm cứu, tác dụng của châm cứu, sự ảnh hưởng của châm cứu đối với Trung Quốc và thế giới. 	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận</p> <p>.....</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>
Nội dung 2: Vương Duy	<p>第二课: 王惟一和针灸铜人</p>	4tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Châm cứu, về danh y và Châm cứu đồng nhân. 	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê</p>

<p>Nhất và Châm cứu đồng nhân</p>	<p>Bài 2: Vương Duy Nhất và Châm cứu đồng nhân</p> <p>一、生词: 37个生词 二、课文: 《王维一和针灸铜人》 三、词语用法举例: 1、关于; 2、进一步; 3、说明; 4、进行 四、注释: 1、关于 2、某; 3、进行 五、练习</p>		<p>- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Vương Duy Nhất là danh y thời kỳ nào? Ông có công hiến gì về châm cứu y học? Tác phẩm “Đồ kinh châm cứu huyệt vị đồng nhân” là tác phẩm như thế nào? Châm cứu đồng nhân được đúc thành công như thế nào? Dùng mô hình Châm cứu đồng nhân để tiến hành thi châm cứu như thế nào?</p> <p>- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình châm cứu.</p> <p>- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm cứu, tác dụng của châm cứu, sự ảnh hưởng của châm cứu đối với Trung Quốc và thế giới.</p>	<p>chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận </p>	<p>Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>
<p>Nội dung 3: Điều trị bằng châm cứu</p>	<p>第三课: 针刺疗法</p> <p>Bài 3: Điều trị bằng châm cứu</p> <p>一、生词: 36个生词 二、课文: 《针刺疗法》 三、词语用法举例: 1、适当; 2、不断; 3、根据; 4、用来.....;</p>	<p>4 tiết</p>	<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Liệu pháp châm thích.</p> <p>- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: thế nào là liệu pháp châm thích? Liệu pháp châm thích có nguồn gốc từ đâu? Kim được dùng trong châm thích có mấy loại? Góc châm thích có mấy góc? Có mấy thủ pháp châm thích? Thế nào là “đắc khí”?</p> <p>- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận </p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>

	<p>5、.....再..... 四、注释：1、不断 2、根据；3、.....用 来..... 五、练习</p>		<p>ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan liệu pháp châm thích. - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp châm thích, chống chỉ định trong sử dụng liệu pháp châm thích.</p>		
<p>Nội dung 4: Điều trị nhĩ châm</p> <p>第四课：耳针疗法 Bài 4: Điều trị nhĩ châm</p> <p>一、生词：34个生词 二、课文：《耳针疗法》 三、词语用法举例： 1、为.....而.....； 2、联系；3、反应；4、各 四、注释：1、为.....而.....； 2、反应； 3、双；4、生了一场很重的眼病；5、.....在两只耳朵的耳垂上各扎了一针 五、练习</p>	<p>4 tiết</p>		<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Liệu pháp nhĩ châm. - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: thế nào là liệu pháp nhĩ châm? Liệu pháp châm thích có nguồn gốc từ đâu? Kim được dùng trong châm thích có mấy loại? Góc châm thích có mấy góc? Có mấy thủ pháp châm thích? Thế nào là “đắc khí”? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan liệu pháp châm thích. - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp châm thích, chống chỉ định trong sử dụng liệu pháp châm thích.</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận </p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>

<p>Nội dung 5: Điều trị cứu giác</p>	<p>第五课: 灸灼疗法 Bài 5: Điều trị cứu giác</p> <p>一、生词: 34 个生词 二、课文: 《灸灼疗法》 三、词语用法举例: 1、不仅; 2、从而; 3、有关; 4、只是; 5、这样 四、注释: 1、不仅; 2、从而; 3、有关; 4、只是 五、练习</p>	<p>4 tiết</p>	<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Điều trị bằng cứu giác. - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Thế nào là phép cứu? Phép cứu tại sao bảo vệ sức khỏe và điều trị? Phép cứu chủ yếu có hai loại nào? Phép cứu thường dùng điều trị triệu chứng nào? Người già Nhật Bản tại sao có thể sống thọ? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan liệu pháp cứu giác.</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>
<p>Nội dung 6: Ôn tập 1</p>	<p>第六课: 复习一 Bài 6: Ôn tập 1</p> <p>一、语法小结 1、递进复句: 还;; 并且 (而且); 不但 (不仅); 而且 (并且、还、也) 2、因果复句: 因</p>	<p>4 tiết</p>	<p>- Học viên vận dụng, đặt câu với các hiện tượng ngữ pháp là câu phức tăng tiến, câu phức nguyên nhân - kết quả. - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: vận dụng các câu phức trong đọc hiểu, nghe, viết và nói; - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến châm cứu, liệu pháp châm thích, liệu pháp cứu giác, liệu pháp nhĩ châm, tác dụng của liệu pháp châm thích, chống chỉ định trong sử dụng</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>

	为……，所以……； 之所以……，是因 为；由于……，因 此……；既 然……就…… 二、练习		liệu pháp châm thích.		
Nội dung 7: Xoa bóp	第七课: 推拿 Bài 7: Xoa bóp 一、生词: 35 个生词 二、课文: 《推拿》 三、词语用法举例: 1、称; 2、必须; 3、 既……又 (也)……; 4、 对……来说 四、注释: 1、称; 2、既……又 (也)……; 3、 对……来说 五、练习	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Xoa bóp - Học viên đọc, dịch ngữ chuyên ngành về Xoa bóp câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: xoa bóp là gì? Phương pháp xoa bóp là gì? Có mấy loại phương pháp xoa bóp thường dung? Tại sao xoa bóp có thể bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh? Xoa bóp thường được dùng để chữa những chứng bệnh gì? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ đề: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình xoa bóp điều trị. - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp xoa bóp điều trị, chóng chỉ định trong xoa bóp điều trị.	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung
Nội dung 8:	第八课: 甘草的传说		- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới	Kết hợp giữa dạy	TS. Nguyễn Chi Lê; TS.

<p>Truyền thuyết cam thảo</p>	<p>Bài 8: Truyền thuyết cam thảo</p> <p>一、生词: 36个生词</p> <p>二、课文: 《甘草的传说》</p> <p>三、词语用法举例:</p> <p>1、偶然; 2、照常; 3、临; 4、甚至; 5、等</p> <p>四、注释: 1、偶然;</p> <p>2、我丈夫临走的时候; 3、等人们走了以后.....; 4、甚至;</p> <p>5、就同妻子是怎么一回事</p> <p>五、练习</p>		<p>trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Trung dược</p> <p>- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: nguyên liệu chính của Trung dược là gì? Tính năng của một loại thảo dược là như thế nào? Tác dụng chữa bệnh của cây cam thảo? Chủ yếu chữa trị chứng bệnh là gì?</p> <p>- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Trung dược:</p>	<p>tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận.....</p>	<p>Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>
<p>Nội dung 9: Nhân sâm</p>	<p>第九课: 人参</p> <p>Bài 9: Nhân sâm</p> <p>一、生词: 34个生词</p> <p>二、课文: 《人参》</p> <p>三、词语用法举例:</p> <p>1、愈.....; 2、靠;</p> <p>3、远; 4、怕; 5、促使</p>		<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Trung dược</p> <p>- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về đông dược, về vị thuốc liên quan, như: Nhân sâm có mấy loại? Tác dụng chữa trị chủ yếu của nhân sâm là gì? Khí hư thông thường có chứng trạng gì? Nên ăn nhân sâm loại gì? Khí hư nghiêm trọng có chứng trạng gì? Nên ăn nhân sâm loại</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận.....</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>

	<p>四、注释：1、愈……愈……；2、远远不能满足需要；3、促使</p> <p>五、练习</p>		<p>gi? Tại sao nhân sâm có thể bổ hư? - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Trung được:</p>		
<p>Nội dung 10: Sắc thuốc</p>	<p>第十课: 煎药 Bài 10: Sắc thuốc</p> <p>一、生词: 36 个生词 二、课文: 《煎药》 三、词语用法举例: 1、历来; 2、有所; 3、区别; 4、以免; 5、理想 四、注释: 1、历来; 2、……有所区别; 3、以免 五、练习</p>		<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về bào chế, sắc thuốc Trung được; - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: thuốc thang Trung y là gì? Sắc thuốc Trung được tốt nhất dùng dụng cụ nào? Tại sao? Trước khi sắc thuốc Trung được, tại sao phải ngâm vào nước lạnh một lúc? Khi sắc thuốc cần nắm chắc lượng nước, độ lửa, và thời gian khi sắc thuốc? “sắc trước” và “houxia” có nghĩa gì? Loại thuốc nào cần 先煎, loại thuốc nào cần 后下? Tại sao? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về phương pháp bào chế thuốc nước; - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ bào chế trung được.</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>
<p>Nội dung 11:</p>	<p>第十一课: 复习 二</p>	<p>4 tiết</p>	<p>- Học viên vận dụng, đặt câu với các hiện</p>	<p>Kết hợp giữa dạy</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS.</p>

<p>Ôn tập 2</p>	<p>Bài 11: Ôn tập 2 一、联合复句 1、又（既）…… 又…… 2、一边……，一边…… 3、一方面……，一方面…… 4、不是……，而是…… 二、转折复句、 1、虽然……，但是（可是、却）…… 2、……，却…… 3、……，可是（不过、只是）…… 4、……，而……</p>		<p> tượng ngữ pháp là câu phức liên hợp, câu phức chuyên triết. - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: vận dụng các câu phức trong đọc hiểu, nghe, viết và nói; - Học viên nắm được phân ngữ pháp, từ vựng liên quan đến xoa bóp, thảo dược và sắc thuốc.</p>	<p>tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận </p>	<p>Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>
<p>Nội dung 12: Đặc điểm cơ bản của Trung y học</p>	<p>第十二课: 中医学的基本特点 Bài 12: Đặc điểm cơ bản của Trung y học 一、生词: 37个生词 二、课文: 《中医的基本特点》</p>	<p>4 tiết</p>	<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Lý luận cơ bản Trung y. - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: đặc điểm cơ bản của Trung y? Tại sao lại nói cơ thể người là chỉnh thể hữu</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>

	<p>三、词语用法举例： 1、与； 2、又； 3、所谓； 4、一些列； 5、反映</p> <p>四、注释： 1、与； 2、……有着各自不同的功能； 3、……但是自然界的运动变化又常常影响着人体； 4、所谓</p> <p>五、练习</p>		<p>có? Mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên? Thế nào là “biện chứng”? Thế nào là “luận trị”? Sự khác nhau giữa “chứng” và “bệnh”?.....</p> <p>- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về đồng được, về thuật ngữ chuyên ngành y học cổ truyền, chẩn đoán y học cổ truyền.</p> <p>- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Lý luận cơ bản Trung y.</p>	<p>.....</p>	
<p>Nội dung 13: Học thuyết âm dương</p>	<p>第十三课: 阴阳学说 Bài 13: Học thuyết âm dương</p> <p>一、生词: 39 个生词</p> <p>二、课文: 《阴阳学说》</p> <p>三、词语用法举例: 1、就……来说; 2、之间; 3、任何; 4、尽管; 5、在于</p> <p>四、注释: 1、就……来说; 2、之间; 3、</p>		<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Học thuyết âm dương;</p> <p>- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Học thuyết âm dương giải thích như thế nào về các sự vật và hiện tượng trong thế giới tự nhiên; Các tổ chức bộ phận cơ quan ở cơ thể người được phân âm – dương như thế nào? Học thuyết âm dương giải thích hoạt động sinh lý của cơ thể người? Học thuyết âm dương giải thích như thế nào về phát sinh và biến đổi bệnh tật? Học thuyết âm dương</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>

	尽管; 4、在于 五、练习		dùng để chỉ đạo chẩn đoán và điều trị như thế nào? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về học thuyết âm dương, ứng dụng học thuyết âm dương vào điều trị bệnh;		
Nội dung 14: Học thuyết ngũ hành	第十四课: 五行 Bài 14: Học thuyết ngũ hành 一、生词: 40 个生词 二、课文: 《五行》 三、词语用法举例: 1、指; 2、凡是; 3、以上; 4、加以 四、注释: 1、指; 2、凡是; 3、以上; 4、加以 五、练习	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Học thuyết ngũ hành; - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Học thuyết ngũ hành là gì; Học thuyết ngũ hành giải thích hoạt động sinh lý của cơ thể người? Học thuyết ngũ hành giải thích như thế nào về phát sinh và biến đổi bệnh tật? Học thuyết ngũ hành dùng để chỉ đạo chẩn đoán và điều trị như thế nào? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về học thuyết ngũ hành, ứng dụng học thuyết ngũ hành vào điều trị bệnh;	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung
Nội dung 15:	第十五课: 脏腑	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới	Kết hợp giữa dạy	TS. Nguyễn Chi Lê; TS.

<p>Học thuyết tạng phủ</p>	<p>Bài 15: Học thuyết tạng phủ 一、生词: 38 个生词 二、课文: 《脏腑》 三、词语用法举例: 1、即; 2、主; 3、从.....说; 4、一下; 5、以及 四、注释: 1、即; 2、心主血脉; 3、水谷; 4、气化; 5、从.....部位说; 6、以及 五、练习</p>	<p>trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Học thuyết ngũ hành; - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Học thuyết tạng phủ là gì; Học thuyết tạng phủ giải thích hoạt động sinh lý của cơ thể người? Học thuyết tạng phủ giải thích như thế nào về phát sinh và biến đổi bệnh tật? Học thuyết tạng phủ dùng để chỉ đạo chẩn đoán và điều trị như thế nào? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về học thuyết tạng phủ, ứng dụng học thuyết tạng phủ vào điều trị bệnh;</p>	<p>tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận </p>	<p>Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>
<p>Nội dung 16: Khí, huyết, tân dịch (1)</p>	<p>第十 16 课: 气、血、津液 (一) Bài 16: Khí, huyết, tân dịch (1) 一、生词: 38 个生词 二、课文: 《气、血、津液 (一)》 三、词语用法举例: 1、此外; 2、主; 3、</p>	<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về khí, huyết, tân dịch. - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Khí trong Trung y có mấy ý nghĩa? Khí trong cơ thể người có mấy loại, mỗi loại có những tác dụng gì? Thăng, giáng, xuất, nhập của khí là gì? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận </p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>

	<p>从.....说； 4、一下； 5、以及</p> <p>四、注释： 1、此外； 2、呼吸之气； 3、以气的运动变化来说明人的生命活动； 4、其； 5、或升降失调，或出入不利； 五、练习</p>		<p>ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về khí, huyết, tân dịch.</p> <p>- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ khí, huyết, tân dịch.</p>			
<p>Nội dung 17: Khí, huyết, tân dịch (2)</p> <p>第十 17 课: 气、血、津液 (二)</p> <p>Bài 17: Khí, huyết, tân dịch (2)</p> <p>一、生词: 35 个生词</p> <p>二、课文: 《气、血、津液 (二)》</p> <p>三、词语用法举例:</p> <p>1、有赖 (于) ;</p> <p>2、首先 ;</p> <p>其次 ; 3、则 ; 4、总之</p> <p>四、注释: 1、则 ; 2、有赖 (于) ; 3、总之 ; 4、首</p>			<p>- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về khí, huyết, tân dịch.</p> <p>- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Huyết được hình thành từ đâu? Tác dụng chính của huyết là gì? Vận hành bình thường của máu dựa vào những hoạt động chức năng nào trong nội tạng? Khí và huyết có những điểm nào giống nhau và khác nhau? Mối quan hệ giữa khí và huyết như thế nào? Tân dịch là gì? Tác dụng của tân dịch là gì? “Tam tiêu khí hóa” là chỉ cái gì?</p> <p>- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về khí, huyết, tân dịch.</p> <p>- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận</p>		<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>

	先 其次..... 五、练习	其	<p>đến thuật ngữ khí, huyết, tân dịch.</p> <p>Nội dung 18: Ôn tập 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên vận dụng, đặt câu với các hiện tượng ngữ pháp là câu phức liên hợp, câu phức chuyển triết, câu phức nguyên nhân – kết quả; - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: vận dụng các câu phức trong đọc hiểu, nghe, viết và nói; - Học viên nắm được phần ngữ pháp, từ vựng liên quan đến học thuyết Âm dương, học thuyết Ngũ hành, học thuyết tạng phủ và Khí, huyết, tân dịch. 	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận</p>	<p>TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung</p>
<p>Nội dung 18: Ôn tập 3</p>	<p>第十八课: 复习 三</p>				

6. Học liệu

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1] 王砚农、阎德早主编, *中医汉语 (下)*, 北京语言文化大学出版社, 1999 年
 [2] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Bài giảng chuyên ngành Y học cổ truyền*, lưu hành nội bộ, năm 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

- [1]. Yang Jizhou chủ biên, *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*, NXB Đại học ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2002. Trần Thị Thanh Liêm biên dịch.
 [2]. Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên, *Ngữ pháp (Grammar essential and practice)*, NXB Đại học Ngôn ngữ và Văn hoá Bắc Kinh, năm 1997.
 [3]. Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*, NXB Hoa ngữ giáo học, năm 1998.
 [4]. Phan Văn Các chủ biên, *Từ điển Hán - Việt*, NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.
 [5]. 刘红英主编, 新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级, 北京语言文化出版社, 2011 年.
 [6]. 刘红英主编, 新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级, 北京语言文化出版社, 2011 年.

7. Hình thức tổ chức dạy - học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học				Tự học (giờ)	Yêu cầu với học viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	TH	BT/ TL	Tổng		
第一课: 针灸 Bài 1: Châm cứu 一、生词: 35 个生词; 3 个专名 二、课文: 《针灸》 三、词语用法举例: 1、包括; 2、为... 所...; 3、对于; 4、通过; 5、一定 四、注释: 1、为... 所...; 2、对于; 3、通过; 4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第二课: 王惟一和针灸铜人 Bài 2: Vương Duy Nhất và Châm cứu đồng nhân	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc

<p>一、生词：37 个生词</p> <p>二、课文：《王维一和针灸铜人》</p> <p>三、词语用法举例：1、关于；2、进一步；3、说明；4、进行</p> <p>四、注释：1、关于 2、某；3、进行</p> <p>五、练习</p>						<p>nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第三课：针刺疗法</p> <p>Bài 3: Điều trị bằng châm cứu</p> <p>一、生词：36 个生词</p> <p>二、课文：《针刺疗法》</p> <p>三、词语用法举例：1、适当；2、不断；3、根据；4、用来……；5、……,再……</p> <p>四、注释：1、不断 2、根据；3、……用来……</p> <p>五、练习</p>	4	2	0.5	6.5	10	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第四课：耳针疗法</p> <p>Bài 4: Điều trị nhĩ châm</p> <p>一、生词：34 个生词</p> <p>二、课文：《耳针疗法》</p> <p>三、词语用法举例：1、为……而……；2、联系；3、反应；4、各</p> <p>四、注释：1、为……而……；2、反应；3、双；4、生了一场很重的眼病；5、……在两只耳朵的耳垂上各扎了一针</p> <p>五、练习</p>	4	2	0.5	6.5	10	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第五课：灸灼疗法</p> <p>Bài 5: Điều trị cứu giác</p> <p>一、生词：34 个生词</p> <p>二、课文：《灸灼疗法》</p> <p>三、词语用法举例：1、不仅；2、从而；</p>	4	2	0.5	6.5	10	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo</p>

3、有关; 4、只是; 5、这样 四、注释: 1、不仅; 2、从而; 3、有关; 4、只是 五、练习						trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第六课: 复习一 Bài 6: Ôn tập 1 一、语法小结 1、递进复句: , 还.....; , 并且 (而且); 不但 (不仅) , 而且 (并且、还、也) 2、因果复句: 因为....., 所以.....; 之所以....., 是因为; 由于....., 因此.....; 既然.....就..... 二、练习	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第七课: 推拿 Bài 7: Xoa bóp 一、生词: 35 个生词 二、课文: 《推拿》 三、词语用法举例: 1、称; 2、必须; 3、既.....又 (也); 4、对.....来说 四、注释: 1、称; 2、既.....又 (也); 3、对.....来说 五、练习	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第八课: 甘草的传说 Bài 8: Truyền thuyết cam thảo 一、生词: 36 个生词 二、课文: 《甘草的传说》 三、词语用法举例: 1、偶然; 2、照常; 3、临; 4、甚至; 5、等 四、注释: 1、偶然; 2、我丈夫临走的	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham

时候; 3、等人们走了以后.....; 4、甚至; 5、就同妻子是怎么一回事 五、练习						khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第九课: 人参 Bài 9: Nhân sâm 一、生词: 34 个生词 二、课文: 《人参》 三、词语用法举例: 1、愈.....愈.....; 2、靠; 3、远远; 4、怕; 5、促使 四、注释: 1、愈.....愈.....; 2、远远不能满足需要; 3、促使 五、练习	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第十课: 煎药 Bài 10: Sắc thuốc 一、生词: 36 个生词 二、课文: 《煎药》 三、词语用法举例: 1、历来; 2、有所; 3、区别; 4、以免; 5、理想 四、注释: 1、历来; 2、.....有所区别; 3、以免 五、练习	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第十一课: 复习 二 Bài 11: Ôn tập 2 一、联合复句 1、又(既).....又..... 2、一边....., 一边..... 3、一方面....., 一方面..... 4、不是....., 而是..... 二、转折复句、 1、虽然....., 但是(可是、却)..... 2、....., 却.....	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo

3、……，可是（不过、只是）…… 4、……，而……						hướng dẫn của giảng viên.
第十二课: 中医学的基本特点 Bài 12: Đặc điểm cơ bản của Trung y học 一、生词: 37 个生词 二、课文: 《中医学的基本特点》 三、词语用法举例: 1、与; 2、又; 3、所谓; 4、一些列; 5、反映 四、注释: 1、与; 2、……有着各自不同的功能; 3、……但是自然界的运动变化又常常影响着人体; 4、所谓 五、练习	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第十三课: 阴阳学说 Bài 13: Học thuyết âm dương 一、生词: 39 个生词 二、课文: 《阴阳学说》 三、词语用法举例: 1、就……来说; 2、之间; 3、任何; 4、尽管; 5、在于 四、注释: 1、就……来说; 2、之间; 3、尽管; 4、在于 五、练习	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第十四课: 五行 Bài 14: Học thuyết ngũ hành 一、生词: 40 个生词 二、课文: 《五行》 三、词语用法举例: 1、指; 2、凡是; 3、以上; 4、加以 四、注释: 1、指; 2、凡是; 3、以上; 4、加以 五、练习	4	2	0.5	6.5	10	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc TLTK để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.

<p>第十五课：脏腑</p> <p>Bài 15: Học thuyết tạng phủ</p> <p>一、生词：38 个生词</p> <p>二、课文：《脏腑》</p> <p>三、词语用法举例：1、即；2、主；</p> <p>3、从……说；4、一下；5、以及</p> <p>四、注释：1、即；2、心主血脉；3、水谷；4、气化；5、从……部位说；</p> <p>6、以及</p> <p>五、练习</p>	4	2	0.5	6.5	10	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第十 16 课：气、血、津液（一）</p> <p>Bài 16: Khí, huyết, tân dịch (1)</p> <p>一、生词：38 个生词</p> <p>二、课文：《气、血、津液（一）》</p> <p>三、词语用法举例：1、此外；2、主；</p> <p>3、从……说；4、一下；5、以及</p> <p>四、注释：1、此外；2、呼吸之气；</p> <p>3、以气的运动变化来说明人的生命活动；4、其；5、或升降失调，或出入不利；</p> <p>五、练习</p>	4	2	0.5	6.5	10	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第十 17 课：气、血、津液（二）</p> <p>Bài 17: Khí, huyết, tân dịch (2)</p> <p>一、生词：35 个生词</p> <p>二、课文：《气、血、津液（二）》</p> <p>三、词语用法举例：1、有赖（于）；2、首先……，其次……；3、则；4、总之</p> <p>四、注释：1、则；2、有赖（于）；3、总之；4、首先……，其次……</p> <p>五、练习</p>	4	2	0.5	6.5	10	<p>- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm.</p> <p>- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.</p>
<p>第十八课：复习 三</p>	4	2	0.5	6.5	10	<p>- Nghe giảng, thảo luận và</p>

						làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
--	--	--	--	--	--	---

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Dự lớp: Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm; Có thái độ nghiêm túc, hăng hái trong việc thực hành và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

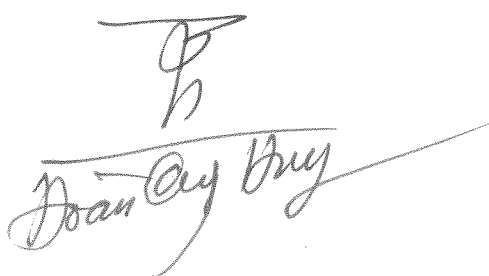
Điểm tổng kết học phần: là điểm thi kết thúc học phần, chiếm trọng số 100%.

Điểm đạt ở mức điểm 6 trở lên.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

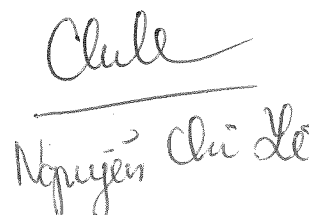
BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)



PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Tin học ứng dụng

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Nguyễn Văn Tuyết

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: Phòng 405

Điện thoại: 0989125443

Email: nguyenvantuyetdt@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

Chức danh, học hàm, học vị: Bùi Thị Lan Anh

Thời gian, địa điểm: Phòng 405

Điện thoại: 0986560899

Email: lanem79vatm@gmail.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Nguyễn Văn Tuyết

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: Phòng 405

Điện thoại: 0989125443

Email: nguyenvantuyetdt@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Tin học ứng dụng

Tên tiếng Anh: Applied Informatics

2.2. Mã học phần: HVTH

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/Thực hành/tự học): 2.0 (0.5LT/1.5TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Cao học

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc

2.6. Các học phần tiên quyết: Tin học đại cương

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):.....

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 7.5 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: ...

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: ... tiết/tổ

+ Thực hành, thực tập (*ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*): Thực hành tại phòng thực tập Tin học: 45tiết/tổ

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức thảo luận theo nhóm 5-10 học viên

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tin học

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Sau khi học xong sinh viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- Có kiến thức nâng cao về tìm kiếm tài liệu tham khảo, chèn tài liệu tham khảo vào đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn và đồng thời trình chiếu được đề tài với kiến thức chương trình Power Point nâng cao.

3.1.2. Kỹ năng:

- Tìm kiếm được tài liệu tham khảo, chèn tài liệu tham khảo vào luận văn, luận án.
- Biết trình bày, trình chiếu một đề tài, báo cáo, luận văn thành thạo trong Power Point.

3.1.3. Thái độ:

- Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần (*viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề*).

*** Lý thuyết**

- Hệ thống mạng Lan và Internet
- Tìm kiếm và sử dụng thông tin
- Chương trình PowerPoint 2016

*** Thực hành**

- Tổ chức thực hành và làm các bài tập trong sách giáo trình Tin học đại cương theo các phần lý thuyết đã học

4. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng về mạng LAN, các cách tìm kiếm tài liệu tham khảo về y học trên Google, Opacs nhanh chóng, hiệu quả, chính xác, tin cậy; Tìm kiếm trên các Website nổi tiếng, uy tín, chuyên sâu về ngành y dược của Việt Nam và thế giới; Khai thác 1 số tính năng hữu ích của Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra bộ câu hỏi sử dụng cho nghiên cứu khoa học; Sử dụng phần mềm Power Point nâng cao để tạo ra các slide sinh động giúp cho việc trình chiếu, thuyết minh đề tài, luận văn.

5. Nội dung chi tiết học phần

(*Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần*)

Chương/Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết học		Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
		LT	TH			
I	Hệ thống mạng lan & internet	1.5 tiết	10 tiết			
1	Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	1	5	- Học viên biết cách chia sẻ và sử dụng thành thạo tài nguyên trên hệ thống mạng Lan - Học viên sử dụng tìm kiếm hiệu quả thông tin trên Internet và khai thác ứng dụng trên Internet	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận chia tổ, nhóm	Nguyễn Văn Tuyết
2	Hệ thống mạng Internet - Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google - Tìm kiếm trên Book Google - Một số ứng dụng văn phòng trên Internet	0.5	5			
II	Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2 tiết	15 tiết			
1	Các loại OPACs.	0.5	4	- Học viên biết địa chỉ kho lưu trữ dữ liệu trực tuyến như sách, bài báo và tài liệu tham khảo khác chuyên ngành Y - Học viên tìm kiếm download được các tài liệu theo yêu cầu trên các kho dữ liệu	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận chia tổ, nhóm	Nguyễn Văn Tuyết
2	Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí					
3	Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng (evidence-base Medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	1	8			
4	Thông tin trực tuyến về các u vực và quốc gia	0.5	3			

				trực tuyến chuyên ngành y		
III	Chương trình microsoft powerpoint 2016	4 tiết	20tiết			
1	Giới thiệu và những thiết lập cơ bản - Màn hình khởi động - Lựa chọn Slide Size cho Presentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon	1	4	- Sử dụng các thao tác cơ bản của Power Point. - Biết cách tạo bài thuyết trình theo các mẫu được định dạng sẵn	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận chia tổ, nhóm	Nguyễn Văn Tuyết
2	Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Thêm hoặc xóa Slide trong Presentation - Chèn và chỉnh sửa hình ảnh - Chèn Video, audio	1	4	- Hiệu trình được bài thuyết trình, tạo các hiệu ứng văn bản - Biết cách chuẩn bị bài thuyết trình theo đúng các thao tác cơ bản		
3	Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1	4	- Thao tác được các cách trình chiếu bài thuyết trình - Thực hiện các hiệu chỉnh văn bản, kiểm tra văn bản trước khi in.		
4	Sử dụng hình vẽ					
5	Sử dụng Slide Master					
6	Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide - Hiệu ứng chuyển Slide - Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide	1	4			
7	Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	1	4			
8	Sử dụng Note trong trình chiếu					
9	Một số thao tác trình chiếu PowerPoint					
10	Lưu văn bản và in văn bản					
Tổng số		7.5	45 tiết			

	tiết			
--	------	--	--	--

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

[1]. Bộ môn Tin học (2018). *Giáo trình Tin học cho học viên CK1*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I	Hệ thống mạng lan & internet	1.5 tiết			10 tiết			
1	Hệ thống mạng Lan	1			5	Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, trang3-29, Bài tập tự wong giá: bài tập 1,2 trang 29,30.		
2	Hệ thống mạng Internet	0.5			5			
II	Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2 tiết			15 tiết			
1	Các loại OPACs.				4	Đọc quyển		

2	Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	0.5			4	<i>giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học,, trang 31-40, Bài tập tự ượng giá: trang 40</i>
3	Thông tin y học trực tuyến	1			4	
4	Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	0.5			3	
III	Chương trình microsoft powerpoint 2016	5 tiết			10 tiết	
1	Giới thiệu và những thiết lập cơ bản	1			4	<i>Độc quyền giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học,, trang 41-61, Bài tập tự ượng giá: trang 61</i>
2	Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio	1			4	
3	Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1			4	
4	Sử dụng hình vẽ					
5	Sử dụng Slide Master					
6	Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide	2			4	
7	Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger					
8	Sử dụng Note trong trình chiếu					
9	Một số thao tác trình chiếu PowerPoint					
10	Lưu văn bản và in văn bản					
Tổng số		15 tiết			45 tiết	

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Hệ thống mạng lan & internet	10	Nguyễn Văn Tuyết/ 0989125443	Bùi Thị Lan Anh
2	Tìm kiếm và sử dụng thông tin	15	Nguyễn Văn Tuyết	Bùi Thị Lan Anh
3	Chương trình microsoft powerpoint 2016	20	Nguyễn Văn Tuyết	Bùi Thị Lan Anh

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: thi thực hành
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

Quy định về thời hạn: Học viên phải làm trước các bài tập thực hành, tự chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 15 người. Sinh viên phải làm bài thực hành và slide để chuẩn bị lên lớp, tự trao đổi trước với nhau. Trên lớp giảng viên chỉ định bất cứ sinh viên nào lên làm bài tập thực hành, trình bày và giải trình slide để làm rõ các vấn đề của bài học.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: hỏi thi trực tiếp

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: chấm thi trực tiếp


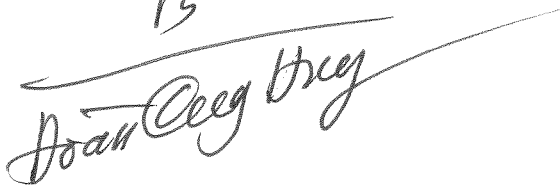
9.3 Điểm tổng kết học phần: điểm lý thuyết * 30% + điểm thực hành * 70%

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đoàn Công Đức

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Tuyết

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ nội trú Y học cổ truyền

Mã số đào tạo:

Năm thứ:

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Tác phẩm kinh điển (*Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược, Ôn bệnh*)

* Tiếng Việt:

- Mã Học phần/ Môn học

- Số tín chỉ: 4

- Đối tượng học: Bác sĩ nội trú Y học cổ truyền

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và luận văn
X		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động (lên lớp/thực hành/tự học): 4 tín chỉ

2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sau khi học xong môn Tác Phẩm Kinh điển học viên có khả năng:

Nắm được thân thể, sự nghiệp của các y gia nổi tiếng trong tứ đại kinh điển và những tác phẩm kinh điển của các y gia.

Nâng cao trình độ nhận thức về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm trong Tứ đại kinh điển

- Về kỹ năng:

Biết sử dụng kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học viên ý thức được trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp là chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

Tiếp thu cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng

Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ

*** Ma trận mục tiêu học phần/môn học với Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Tác phẩm	Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT
Nội kinh	MT 1	Quá trình hình thành và phát triển của sách “nội kinh”.	
	MT2	Nắm được đại cương phần Dưỡng sinh của sách Nội kinh, hiểu rõ tư tưởng của các kinh văn trong phần này	
	MT3	Hiểu được nội dung của Học thuyết Âm – Dương trong nội kinh, đặc điểm phương pháp luận của các kinh văn.	
	MT 4	Nắm vững hàm nghĩa nội dung học thuyết Ngũ hành trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 5	Nắm vững đại cương học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 6	Thuộc được đại cương 12 đường kinh của học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 7	Nắm vững học thuyết Tạng tượng trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 8	Nắm vững đại cương Chẩn pháp trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 9	Nắm vững đại cương Ngũ vận Lục khí trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 10	Nắm vững đại cương Phép tác trị liệu trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
Thương hàn luận	MT 1	nắm được đại cương về Thương hàn luận	
	MT2	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái dương và phương pháp điều trị	
	MT3	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu dương và phương pháp điều trị	
	MT 4	Nắm vững triệu chứng của kinh Dương minh và phương pháp điều trị	
	MT 5	Nắm vững triệu chứng của kinh Thái âm và phương pháp điều trị	
	MT 6	Nắm vững triệu chứng của kinh Thiếu âm và phương pháp điều trị	
	MT 7	Nắm vững triệu chứng của kinh Quyết âm và phương pháp điều trị	
	MT1	Hiểu được hàm nghĩa tên sách, tác giả, tính chất và sự hình thành “Kim quỹ yếu lược”.	

Kim quỹ yếu lược	MT 2	Nấm vững Nguyên tắc điều trị biểu lý đông bệnh trong kinh văn “Hỏi: Có bệnh cấp phải cứu lý ngay, có bệnh phải cứu biểu ngay, là lẽ vì sao? Thầy đáp: Bệnh, mà sau khi thầy thuốc cho hạ lại tiếp tục ỉa chảy phân sống không ngừng, toàn thân đau mỏi thì phải cứu lý ngay; nếu sau khi cho hạ mà toàn thân đau nhức, đại tiện tự điều hòa trở lại, thì phải cứu biểu.”	
	MT 3	Nấm vững Nguyên tắc điều trị cũ mới đông bệnh trong kinh văn: “Người bệnh vốn có bệnh lâu ngày mạn tính khó chữa, lại đột nhiên mắc thêm bệnh khác, điều trị thích hợp là điều trị bệnh mới mắc trước, điều trị bệnh cũ mạn tính sau.”	
	MT 4	Hiểu được Chứng trị của bệnh lịch tiết thể phong thấp lịch tiết trong kinh văn: “Tứ chi xương khớp đau nhức, cơ thể suy nhược gây yếu các các khớp sưng to, các khớp xương ở chân sưng to biến dạng đột ngột, chóng mặt ãoản khí, nôn nao buồn nôn, dùng bài quế chi thược dược tri mẫu thang chủ trị.”	
	MT 5	So sánh quế chi thược dược tri mẫu thang chứng với ô đầu thang chứng	
	MT 6	Nấm vững Nguyên nhân hình thành, mạch chứng và chẩn đoán phân biệt phế nuy trong kinh văn: “Hỏi: Nhiệt tại thượng tiêu, nhân ho gây thành phế nuy. Bệnh phế nuy, hình thành như thế nào? Thầy đáp: Hoặc do mồ hôi ra mà bị, hoặc do nôn mửa, hoặc do tiêu khát, tiểu tiện nhiều lần, hoặc do đại tiện khó, lại bị hạ lợi quá nhiều, tân dịch vong thất nhiều (mất tân dịch nhiều), mà sinh thành phế nuy. Hỏi: Thốn khẩu mạch sắc, người bệnh ho, khạc nhổ nước dãi, có bọt đục, là lẽ vì sao? Thầy đáp: Đó là bệnh phế nuy, nếu trong miệng khô táo, đau âm ỉ trong ngực khi ho, mạch lại hoạt sắc, đó là bệnh phế ung, ho, khạc ra máu mủ. Mạch sắc hư, là phế nuy, ác thực là phế ung.”	
	MT 7	Nấm vững Bệnh nguyên bệnh cơ, mạch chứng và dự hậu của phế ung trong kinh văn: “Bệnh khái nghịch, bất mạch, tại sao có thể biết được đây là bệnh phế ung? Bệnh phế ung có máu mủ, nôn ra máu mủ ất chết, mạch lúc này thế nào? Thầy đáp: Mạch thốn khẩu vì mà mạch sắc, vì là do phong, sắc là do nhiệt; vì ất ra mồ hôi (phong trực trúng vào vệ khí, biểu mất kiên cố tẩu lý sơ hở thì mồ hôi chảy không ngừng), sắc ất sợ lạnh. Phong trực trúng vào vệ khí, thì thở ra được nhưng không hít vào được (khó thở vào); nhiệt nhập quá độ ở dinh khí, thì hít vào được nhưng không thở ra được (khó thở ra). Phong làm tổn thương bì mao, nhiệt làm tổn thương huyết mạch. Phong nhập vào phế, ất gây ho, miệng khô sưng mẩn (khó thở tức ngực), họng khô mà không khát, đôi khi đờm dãi đục có bọt khí, đôi khi sợ lạnh rét run. Sau cơn cơn sốt, huyết bị ngưng trệ, tích kết thành bọc mủ, nôn ra đờm mủ đặc như cháo. Bệnh mới mắc giai đoạn đầu thì có thể chữa được, để thành mủ thì chết!”	
	MT 8	Hiểu rõ Thể bệnh và bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “Bệnh hung tý, khó thở ho khạc đờm dãi, ngực lưng đau, khí ãoản, mạch thốn khẩu trầm mà trì,	

		<i>mạch bộ quan thượng tiểu khẩn sắc, phương dùng qua lâu giới bạch bạch từu thang chủ trị.</i>	
	MT9	Nắm vững Nguyên tắc điều trị, ý nghĩa, nguyên lý điều trị đằm ảm trong kinh văn: “ <i>Bệnh đằm ảm, phải dùng ôn được để hòa</i> ”	
	MT10	Hiểu rõ Thể bệnh và Tính chất bệnh, bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: “ <i>Người bệnh chi ảm ở vùng hoành cách mô, thì khó thở, ngực đầy chướng, vùng dưới tâm thấy đầy chướng cứng, sắc mặt đen xám, mạch trầm khẩn, đã bị bệnh vài mươi ngày, thầy thuốc cho dùng phép tả, phép hạ mà không khỏi, dùng bài mộc phòng kỷ thang chủ trị. Trường hợp hư bĩ thì bệnh khỏi ngay (vì không có kết tụ). Nếu là thực chứng thì 3 ngày sau lại tái phát (vì có vật thực), cho uống tiếp mộc phòng kỷ thang thì không khỏi, phải dùng bài mộc phòng kỷ thang khứ thạch cao gia phục linh mang tiêu thang chủ trị.</i> ”	
Ôn bệnh	MT 1	Hiểu rõ Chứng phong ôn hình thành như thế nào, đặc điểm chứng hậu khi mới phát bệnh có gì và cách chữa.	
	MT 2	Nắm vững cách truyền thuận và nghịch của Chứng phong ôn, Chứng trạng và cách chữa của nó	
	MT 3	Trình bày chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Phong ôn lưu ở biểu	
	MT 4	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng NHIỆT THỊNH VÔ HÌNH trong Nhiệt ở Dương Minh của Phong ÔN	
	MT 5	Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Xuân Ôn	
	MT 6	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Nhiệt ở Thiếu dương đờm kinh trong Xuân Ôn	
	MT 7	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thấp Ôn	
	MT 8	Hiểu rõ chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng thấp lãn át vệ khí trong THẤP ÔN	
	MT 9	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thử Ôn	
	MT 10	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Tân dịch và chứng khi sắp thoát trong thử ôn	

3. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Tác phẩm kinh điển bao gồm bốn tác phẩm y học cổ đại nổi tiếng còn được gọi là “Tứ đại kinh điển”, gồm có Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược và Ôn bệnh.

“Nội kinh” hay còn gọi là “Hoàng đế nội kinh” ra đời cách đây hơn 2.500 năm trước Công nguyên, trong thời kỳ Chiến Quốc. Là bộ sách đầu tiên và là một kiệt tác kinh điển nổi tiếng nhất, có sớm nhất nói về y học. "Hoàng đế nội kinh" đã luận thuật một cách tung đối toàn diện về hệ thống lí luận và tư tưởng học thuật của Y học cổ truyền. "Hoàng đế nội kinh" đã đặt nền móng cho sự phát triển của Y học cổ truyền Trung Quốc nói riêng và Y học cổ truyền trên thế giới nói chung. Nguyên tắc chân trị trên lâm sàng trong "Hoàng đế nội kinh" vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo trong thực tiễn y học cho đến ngày nay. "Hoàng đế nội kinh" là một quyển sách quy phạm để học tập và nghiên cứu Y học cổ truyền.

“Thương hàn tạp bệnh luận” bao gồm 16 cuốn (10 cuốn là Thương hàn luận và 6 cuốn là Kim quỹ yếu lược). Nếu Kim quỹ yếu lược chuyên sâu về tạp bệnh (các bệnh nội khoa) thì Thương hàn luận chuyên sâu về thời bệnh (những bệnh truyền nhiễm), lấy lục kinh biện chứng làm cơ sở y lý để biện chứng luận trị. Cho dù dành chủ yếu cho điều trị các bệnh truyền nhiễm nhưng những phương thang trong Thương hàn luận được nhiều thế hệ các thầy thuốc y học cổ truyền của nhiều nước như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên... vận dụng trong điều trị các bệnh nội khoa đã thu được hiệu quả cao. Trương Trọng Cảnh (Nhà danh y của nền Y học cổ truyền Trung Quốc) được suy tôn là Trọng Thánh là tác giả của bộ sách Thương hàn tạp bệnh luận. Với sự ra đời gần hai thiên niên kỷ tới nay bộ sách vẫn còn nguyên giá trị về y lý y học cổ truyền và thực tiễn lâm sàng.

Hàn lâm Học sĩ Vương Chu tại quán khách phát hiện ra Trọng cảnh Kim quỹ ngọc hàm yếu lược phương gồm 3 quyển: quyển Thượng là Thương hàn, quyển Trung là Tạp bệnh, quyển hạ là Các phương pháp điều trị phụ khoa. Đối với Kim quỹ yếu lược cũng có nhiều chú thích khác nhau như: do thời gian quyển sách hiện hành này đầu tiên Vương Chu phát hiện nhưng trải qua hiệu đính của các thời đại, nên mỗi tác giả có phần chú thích riêng; tại sao có tên là Kim quỹ ngọc hàm phương mà không gọi là Thương hàn tạp bệnh luận, nguyên do người xưa gọi những cuốn sách quý là “Kim quỹ” hoặc “Ngọc hàm”.

Vì vậy Hàn thư cao kỹ như hầu nói: “Kim quỹ do kim đằng dã” giải thích rằng lấy vàng làm hàm, giữ gìn bảo vệ các nghĩa. Vì thế ta nói Thương hàn tạp bệnh luận là tên gốc của sách Trọng cảnh. “Kim quỹ” và “Ngọc hàm” là tên gọi vinh dự của người đời tán thưởng sách Trọng cảnh. Vì vậy nhiều tác giả gọi Thương hàn luận là Ngọc hàm cũng là lý do đó.

Ôn bệnh là các bệnh cảm phải ôn tà. Ôn bệnh là một trong các phạm trù của bệnh ngoại cảm, bệnh có tính nhiệt như: Nóng, khát, miệng khô, mồ hôi ra nhiều, họng táo, tâm phiền, đại tiện táo, xuất huyết, điên cuồng, hôn mê, nói nhảm, co giật, mạch sắc...vv. Ôn bệnh là bệnh lẻ tẻ từng người, ôn dịch là bệnh hàng loạt người bị. Chu Dương Tuấn nói: Một người bị bệnh gọi là ôn, một địa phương bị bệnh như nhau gọi là dịch. Ôn bệnh là do ôn tà gây nên, nhưng mỗi ôn tà gặp các thời tiết (quý tiết) khác nhau phát sinh ra bệnh khác nhau. Cho nên dựa vào thời tiết khác nhau mà chia ra các bệnh.

Nắm được biện chứng của Ôn bệnh giúp các bác sĩ YHCT có phương pháp điều trị tốt đối với các bệnh Truyền nhiễm hiện nay. Kết hợp nhuần nhuyễn YHHĐ và YHCT sẽ đưa lại hiệu quả điều trị cao trong chuyên khoa Truyền nhiễm.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- Nội kinh, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.
- Thương hàn luận, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.
- Kim Quỹ Yếu Lược, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.
- Ôn bệnh, *Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam*, Nhà Xuất bản Y học.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập

6. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Thực hành/ lâm sàng:
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt %

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ). Đánh giá theo thang điểm 10 (đối với chương trình đào tạo chuyên khoa 1, chuyên khoa 2).

8. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của Học phần/ Môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số %

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn

Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số %

- Hình thức thi: Tự luận Trắc nghiệm

Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp (Tiết)					
		LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Nội kinh	Chương I: Dưỡng sinh	2	0	0	2		
	Chương II: Học thuyết âm dương, ngũ hành	2	0	0	2		
	Chương III: Học thuyết tạng tượng	2	0	0	2		
	Chương IV: Học thuyết Kinh lạc	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh năng	2	0	0	2		
	Chương VI: Chẩn Pháp	2	0	0	2		
	Chương VII: Phép tắc trị liệu	2	0	0	2		

	Chương VIII: Ngũ Vận – Lục khí	2	0	0	2		
Thương hàn luận	Đại cương về thương hàn luận	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái dương (bàng quang tiêu trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu dương (đởm, tam tiêu)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Dương minh (vị, đại trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái âm (tỳ, phế)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu âm (tâm, thận)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Quyết âm (can, tâm bào)	2	0	0	2		
Kim quỹ yếu lược	Chương I: Mạch chứng tiên hậu bệnh tạng phủ kinh lạc Chương II: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh thấp và trúng thử	1	0	0	1		
	Chương III: Cách chữa bệnh bách hợp; hồ hoặc, âm độc Chương IV: Mạch chứng và cách chữa bệnh ngược (sốt rét)	1	0	0	1		
	Chương V: Mạch chứng và cách chữa bệnh trúng phong, lịch tiết phong Chương VI: Mạch chứng và cách chữa bệnh huyết tý hư lao	1	0	0	1		
	Chương VII: Mạch chứng và cách chữa các bệnh phế nuy, phế ung và ho thở khí đưa lên Chương VIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh bồn đôn khí	1	0	0	1		
	Chương IX: Mạch chứng và cách chữa bệnh hung tý, tâm thống và đoán khí Chương X: Mạch chứng và cách chữa bệnh phúc mãn, hàn sán và túc thực	1	0	0	1		

	Chương XI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phong hàn tích tụ ở ngũ tạng Chương XII: Mạch chứng và cách chữa bệnh đàm ẩm, khái khẩu	1	0	0	1		
	Chương XIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh tiêu khát, bệnh lâm Chương XIV: Mạch chứng và cách chữa bệnh thủy khí	1	0	0	1		
	Chương XV: Mạch chứng và cách chữa bệnh hoàng đản Chương XVI: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh quý, thổ nục, hạ huyết, ngực đầy, ú huyết	1	0	0	1		
	Chương XVII: Mạch chứng và cách chữa bệnh ẩu thổ, uế, hạ lợi Chương XVIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh sang ung, trường ung, tâm dâm bệnh	1	0	0	1		
	Chương XIX: Mạch chứng và cách chữa bệnh phu quyết, sung đau ngón tay cánh tay, chuyển cân, hồ sán, hồi trùng Chương XX: Mạch chứng và cách chữa bệnh thai nghén ở phụ nữ	1	0	0	1		
	Chương XXI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phụ nữ sau đẻ Chương XXII: Mạch chứng và cách chữa tạp bệnh ở phụ nữ	1	0	0	1		
Ôn bệnh	Chương I: Bệnh phong ôn	2	0	0	2		
	Chương II: Bệnh xuân ôn	2	0	0	2		
	Chương III: Bệnh thử ôn	2	0	0	2		
	Chương IV: Bệnh thấp ôn	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh phụ thử	2	0	0	2		
	Chương VI: Bệnh thu táo	2	0	0	2		
	Chương VII: Ôn độc	2	0	0	2		
	Chương VIII: Ôn dịch	2	0	0	2		
	Chương IX: Đông ôn	2	0	0	2		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, 10.

Thông tin về giảng viên

- **Họ và tên: PGS.TS Vũ Nam**

- **ĐT:0978163646**

- **Email:**

- **Họ và tên: PGS.TS Phạm Quốc Bình**

- **ĐT 0912757262**

- **Email: phamquocbinh68@gmail.com**

- **Họ và tên: GS.TS Trương Việt Bình**

- **ĐT 0369688688**

- **Email:**

- **Họ và tên: TS Trần Thị Hồng Ngai**

- **ĐT 0915009672**

- **Email: Ngaidytw72@yahoo.com**

- **Họ và tên: TS Nguyễn Duy Tuấn**

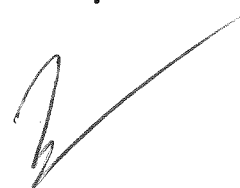
- **ĐT 0828991883**

- **Email: tuanzibi@gmail.com**

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)**

KHOA/BỘ MÔN



Trần Thị Hồng Ngai

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Phương pháp sư phạm y học

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: TS Luru Minh Châu

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bộ môn Y tế công cộng

Điện thoại: 0604159777 Email: minhchauytdp@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại:

Email:

- Giảng viên tham gia giảng dạy: PGS.TS Trần Thị Minh Tâm

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Điện thoại: email:

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Phương pháp sư phạm y học

Tên tiếng Anh:.....

2.2. Mã học phần:

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/thực hành/tự học): (02LT/01TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Bác sĩ Nội trú

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 giờ

- + Làm bài tập trên lớp: ...
- + Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: ... tiết/tổ
- + Thực hành, thực tập (*ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*): 30 giờ
- + Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm ... học viên
- + Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

1. Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề
2. Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt
3. Trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt

3.1.2. Kỹ năng:

1. Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu
2. Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng
3. Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử

3.1.3. Thái độ:

1. Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần (viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).

Các qui định pháp lý cơ bản trong công tác được trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, tồn trữ và sử dụng v.v... Cụ thể:

*** Lý thuyết**

- Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực
- Xác định và vận dụng được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt trong giảng dạy

*** Thực hành**

- Viết được mục tiêu bài học theo kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm theo tiêu chuẩn mục tiêu và thành phần mục tiêu là cơ sở viết kế hoạch bài giảng
- Hoàn thiện 01 kế hoạch bài giảng (giả định) và giảng thử

4. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
1	Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4 tiết	- Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
2	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4	Vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
3	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4	Vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời

				học – dạy, thảo luận	giảng
4	Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu Xây dựng và phát triển chương trình dạy học.	4	Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu 2. Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng và phát triển chương trình	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
5	Thiết kế kế hoạch bài giảng	4	Hoàn thành kế hoạch bài giảng	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
6	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4	Ứng dụng được các phương tiện hỗ trợ giảng dạy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
7	Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3	Ứng dụng được các phương tiện hỗ trợ giảng dạy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị

				Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Minh Tâm và mời giảng
8	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3	Ứng dụng được các phương tiện hỗ trợ giảng dạy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

- (1) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học
- (2) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.
- (3) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.
- (4) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.
- (5) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4			Thảo luận (... T)			
2	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4			Thảo luận (... T)			
3	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4			Thảo luận (7T)			
4	Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	4					<i>Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác</i>	
5	Thiết kế kế hoạch bài giảng	4						
6	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4						
7	Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3						
8	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3						
9	Thiết kế kế hoạch bài giảng				15			

10	Giảng thử				15		
----	-----------	--	--	--	----	--	--

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	15	TS. Lưu Minh châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	Mời giảng
2	Thiết kế kế hoạch bài giảng	15	TS. Lưu Minh châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	Mời giảng

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: làm tiểu luận và giảng thử
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 6/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

Quy định về thời hạn: Học viên phải tự chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 15 người. Việc nhiều nhóm làm slide khác nhau rồi tự chuyển cho nhau trong lớp. Sinh viên phải đọc bài và slide để chuẩn bị lên lớp, tự trao đổi trước với nhau. Trên lớp giảng viên chỉ định bất cứ sinh viên nào lên trình bày và bất cứ ai giải trình slide đang trình bày để làm rõ các vấn đề của bài học - theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: viết tiểu luận

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Giảng thử

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm trung bình học phần từ 6.0 điểm trở lên


Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)


TS. Lưu Minh Châu

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Phương pháp nghiên cứu khoa học

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: TS Lưu Minh Châu

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bộ môn Y tế công cộng

Điện thoại: 0604159777 Email: minhchauytdp@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại:

Email:

- Giảng viên tham gia giảng dạy: PGS.TS Trần Thị Minh Tâm

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Điện thoại: email:

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học

Tên tiếng Anh:.....

2.2. Mã học phần:

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/Thực hành/tự học): (02LT/01TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Bác sĩ Nội trú

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 giờ

- + Làm bài tập trên lớp: ...
- + Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: ... tiết/tổ
- + Thực hành, thực tập (*ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*): 30 giờ
- + Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm ... học viên
- + Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

1. Trình bày được các phương pháp nghiên cứu khoa học
2. Xác định được yêu cầu của báo cáo khoa học và công bố khoa học

3.1.2. Kỹ năng:

1. - Lựa chọn được các loại thiết kế nghiên cứu phù hợp và xây dựng biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số.
2. Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu.

3.1.3. Thái độ:

1. Xác định vai trò của đạo đức trong nghiên cứu, ý nghĩa nghiên cứu khoa học trong quá trình hành nghề

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần (*viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề*).

*** Lý thuyết**

- Phân tích được ưu và nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu và ứng dụng
- Xác định rõ vai trò ý nghĩa của thể lệ đăng bài của tạp chí khoa học và cách viết công bố khoa học

*** Thực hành**

- Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài, xác định cỡ mẫu phù hợp với biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, không chế sai số của 01 đề tài
- Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu (giả định)

4. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng xây dựng một đề cương nghiên cứu, biết cách thu thập và xử lý số liệu. Môn học phục vụ tích cực cho học viên phương pháp

ngiên cứu để hoàn chỉnh luận văn cũng như giúp cho học viên thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu của mình sau khi tốt nghiệp.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
1	Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	4	- Phân tích được ưu và nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu và ứng dụng	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
2	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	4	Phân tích được ưu và nhược điểm thiết kế nghiên cứu và ứng dụng	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
3	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	4		Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
4	Cỡ mẫu, hướng dẫn sử	4	- Lựa chọn	Kết hợp	TS. Lưu

	dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.		được thiết kế nghiên cứu phù hợp tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu của 01 đề tài, xác định cỡ mẫu phù hợp	giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
5	Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế	4	với biến số nghiên cứu và công cụ thu thập thông tin, xử lý, trình bày số liệu, khống chế sai số của 01 đề tài	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
6	Công cụ thu thập thông tin	4		Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
7	Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3	Hoàn thiện 01 đề cương nghiên cứu (giả định)	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
8	Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học, công	3		Kết hợp giữa dạy	TS. Lưu Minh Châu

	bổ khoa học			tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
--	-------------	--	--	--	---

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

Giáo trình Phương Pháp nghiên cứu khoa học (tài liệu lưu hành nội bộ).

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2004), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học và sức khỏe cộng đồng. NXB Y học 2004.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2008). Xác suất thống kê, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội.
4. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), Giáo trình lý thuyết dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
5. Lưu Ngọc Hoạt (2017), Thống kê sinh học và nghiên cứu khoa học Y học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
6. Trương Việt Dũng (2017), Nghiên cứu khoa học trong y học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập		
		Lý	Bài	Thảo			

		thuyết	tập	luận			lớp	
1	Thiết kế nghiên cứu khoa học; Các loại hình nghiên cứu khoa học quan sát	4					<i>Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác</i>	
2	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 1)	4						
3	Thiết kế nghiên cứu can thiệp thử nghiệm lâm sàng (phần 2)	4						
4	Cỡ mẫu, hướng dẫn sử dụng Phần mềm phân tích số liệu SPSS.	4						
5	Chọn mẫu trong nghiên cứu Sai số và nhiễu trong nghiên cứu khoa học Y học và cách khống chế	4						
6	Công cụ thu thập thông tin	4						
7	Hướng dẫn viết đề cương nghiên cứu	3						
8	Hướng dẫn viết báo cáo luận văn cao học	3						
9	Thiết kế kế hoạch bài giảng				15			

10	Báo cáo tóm tắt đề cương				15		
----	--------------------------	--	--	--	----	--	--

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Thiết kế kế hoạch bài giảng	15	TS. Lưu Minh châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	Mời giảng
2	Báo cáo tóm tắt đề cương	15	TS. Lưu Minh châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	Mời giảng

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: làm tiểu luận và giảng thử
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 6/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

Quy định về thời hạn: Học viên phải tự chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 15 người. Việc nhiều nhóm làm slide khác nhau rồi tự chuyển cho nhau trong lớp. Sinh viên phải đọc bài và slide để chuẩn bị lên lớp, tự trao đổi trước với nhau. Trên lớp giảng viên chỉ định bất cứ sinh viên nào lên trình bày và bất cứ ai giải trình slide đang trình bày để làm rõ các vấn đề của bài học - theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: viết tiểu luận

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Giảng thử

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm trung bình học phần từ 6.0 điểm trở lên

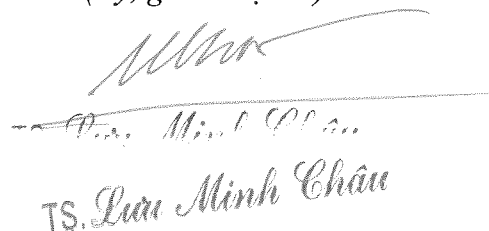
Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)


TS. Lưu Minh Châu

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Hồi sức cấp cứu

1. Thông tin về giảng viên

1. Trần Văn Phú

Chức danh, học hàm, học vị: CN Bộ môn HSCC &CD – Thạc sĩ

Địa chỉ: Bm HSCC – Học viện YDHCT Việt Nam

ĐT: 094888088

Email: drtranvanphu@yahoo.com

2. Vũ Đức Định

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên thỉnh giảng PCN bộ môn HSCC &CD – PGS Tiến sĩ

Địa chỉ: Bệnh viện E TW

ĐT: 0913588640

Email: drvuducdinh@gmail.com

3. Bùi Nam phong

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên thỉnh giảng PCN bộ môn HSCC &CD – Thạc sĩ

Địa chỉ: Bệnh viện 19.8 BCA

ĐT: 0914388998

Email: namphong70icu198@gmail.com

4. Nguyễn Thế Anh

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên thỉnh giảng – Tiến sĩ

Địa chỉ: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô

ĐT: 0988555929

2. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

2.1. Tên Học phần/ Môn học:

* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu

* Tiếng Anh: Resuscitation

2.2. Mã Học phần/ Môn học: HVHS

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/ thực hành/ tự học): 8 (03LT/05TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Bác sĩ nội trú YHCT

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (*bắt buộc hay tự chọn*) **Bắt buộc**

2.6. Các học phần tiên quyết: ...

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (*nếu có*):.....

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 48

+ Làm bài tập trên lớp: ...

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: ... tiết/tổ

+ Thực hành, thực tập (*ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*): Thực hành lâm sàng tại bệnh viện thực hành

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm ... học viên

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn HSCC & Chống độc

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

- Kiến thức:

+ Nhận ra và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức.

+ Trình bày lập luận, giải thích đầy đủ nguyên lý cơ bản cấp cứu hồi sức dựa trên các dấu hiệu và triệu chứng lâm sàng.

+ Trình bày, giải thích đầy đủ ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm...).

+ Trình bày chính xác một cách rõ ràng chỉ định điều trị ban đầu và các hướng điều trị tiếp theo tình trạng cấp cứu hồi sức.

+ Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

- Kỹ năng:

+ Nhận định và xác định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu cần hồi sức và hướng điều trị một số bệnh lý thường gặp.

+ Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

+ Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong thăm dò và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.

- Thái độ:
 - + Nghiêm túc, chăm chỉ, tích cực trong học tập.
 - + Giao tiếp, ứng xử tốt với bệnh nhân và gia đình bệnh nhân.
 - + Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc sức khỏe bệnh nhân

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần (viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).

Các qui định pháp lý cơ bản trong công tác dược trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, tồn trữ và sử dụng v.v... Cụ thể:

*** Lý thuyết**

Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

*** Thực hành**

Có khả năng phân tích, xử lý một số cấp cứu nội khoa thường gặp

Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý hồi sức cấp cứu thường gặp

Chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp

Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong thăm dò và điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu

4. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, tiêu chuẩn chẩn đoán và phương pháp điều trị một số bệnh cấp cứu; hướng dẫn người học kỹ năng lập luận chẩn đoán và đưa ra nguyên tắc điều trị một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04	Nắm Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	Kết hợp giữa dạy	Ts. Trần Văn Phú

Ngừng tuần hoàn	04	Nắm được chẩn đoán và điều trị Ngừng tuần hoàn	tích cực: Máy chiếu Slide,	
Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04	Nắm được chẩn đoán và nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	trưng tác người học – dạy, thảo luận	
Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04	Nắm được nguyên tắc và phương pháp điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide,	
Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04	Nắm được chẩn đoán và xử trí hôn mê	trưng tác người học – dạy, thảo luận	
Ngộ độc cấp	02	Nắm được chẩn đoán và điều trị Ngộ độc cấp		
Suy hô hấp cấp	04	Nắm được chẩn đoán và điều trị Suy hô hấp cấp		
Phù phổi cấp	02	Nắm được chẩn đoán và điều trị Phù phổi cấp		
Đợt tiến triển cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	02	Nắm được chẩn đoán và điều trị Đợt tiến triển cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide,	Ths Bùi Nam Phong
Con tăng huyết áp	02	Nắm được chẩn đoán và điều trị Con tăng huyết áp	trưng tác người học – dạy, thảo luận	
Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	04	Nắm được chẩn đoán và xử trí đau ngực	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu	
Suy tim mất bù cấp	02	Nắm được chẩn đoán và điều trị	tích cực: Máy chiếu	

		chẩn đoán và điều trị Suy tim mất bù cấp	Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận
Kiểm soát đường huyết tại khoa cấp cứu	02	Nắm được nguyên tắc và phương pháp kiểm soát đường huyết tại khoa cấp cứu	
Các rối loạn toan – kiềm do hô hấp	04	Nắm được nguyên tắc và phương pháp kiểm soát các rối loạn toan – kiềm do hô hấp	
Các rối loạn toan – kiềm nguồn gốc chuyển hóa	04	Nắm được nguyên tắc và phương pháp kiểm soát các rối loạn toan – kiềm nguồn gốc chuyển hóa	

6. Học liệu

6.1. Tài liệu chính: Giáo trình học tập:

1. Tài liệu phát tay

6.2. Tài liệu tham khảo:

2. Hồi sức cấp cứu (2009), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
3. Hồi sức cấp cứu toàn tập (2003), Vũ Văn Đính và cộng sự, nhà xuất bản y học.
4. Hồi sức cấp cứu (2002), Học viện Quân Y. Bộ môn hồi sức cấp cứu, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
5. Bệnh học Nội khoa (2001), Nhà xuất bản y học, Tập 1 p(7-89; 136-148); Tập II p(7-108).
6. Vũ Văn Đính (2003), Hồi sức cấp cứu toàn tập
7. Bệnh học nội khoa tập 1 (2018), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
8. Bệnh học nội khoa tập 2 (2017), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
9. Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

10. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
11. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
12. Bệnh hô hấp(2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1.	Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	04					<i>Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác</i>	
2.	Ngừng tuần hoàn	04						
3.	Chẩn đoán, nguyên tắc và biện pháp xử trí sốc	04						
4.	Điều chỉnh nước và điện giải trong cơ thể	04						
5.	Chẩn đoán và xử trí hôn mê	04						
6.	Ngộ độc cấp	02						
7.	Suy hô hấp cấp	04						
8.	Phù phổi cấp	02						
9.	Đợt tiến triển cấp của bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	02						
10.	Con tăng huyết áp	02						
11.	Định hướng chẩn đoán và xử trí đau ngực	04						
12.	Suy tim mất bù cấp	02						

13.	Kiểm soát đường huyết tại khoa cấp cứu	02					
14.	Các rối loạn toan – kiểm do hô hấp	04					
15.	Các rối loạn toan – kiểm nguồn gốc chuyển hóa	04					

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
Các nguyên lý cơ bản trong HSCC	4	Giảng viên thỉnh giảng bệnh viện 19.8 BCA, Bệnh viện Saint Paul, Bệnh viện Thanh Nhàn, Bệnh viện Đa khoa Hà Đông	
Đại cương về suy hô hấp cấp	4		
Suy hô hấp cấp	4		
Hen phế quản cấp	4		
Cấp cứu suy hô hấp trong tràn khí màng phổi	4		
Cấp cứu suy hô hấp trong tràn dịch màng phổi	4		
Phù phổi cấp	4		
Điện tim cơ bản	4		
Cơn tăng huyết áp	4		
Cấp cứu ngừng tuần hoàn	4		
Nhồi máu cơ tim cấp	4		
Rối loạn nhịp tim thường gặp: Cơn nhịp nhanh kịch phát trên thất; rung nhĩ: ngoại tâm thu thất nhịp đôi; rung thất; bloc nhĩ thất, hội chứng nhịp nhanh/ chậm....	8		
Đại cương về sốc	4		
Sốc phản vệ	4		
Sốc tim	4		
Sốc nhiễm khuẩn	4		
Sốc giảm thể tích	4		
Tăng kali máu	4		
Hạ kali máu	4		
Hạ canxi máu	4		
Hạ natri máu	4		
Suy thận cấp	4		
Ngộ độc cấp	4		

Ngộ độc methanol	4		
Hôn mê nhiễm toan ceton	4		
Hôn mê tăng ALTT	4		
Hôn mê hạ đường huyết	4		
Xuất huyết não	4		
Nhồi máu não	4		
Chấn thương sọ não	4		
Các thủ thuật trong hồi sức cấp cứu	4		
Thở máy trong hồi sức cấp cứu	4		
Dinh dưỡng trong hồi sức cấp cứu	4		
Dự phòng nhiễm khuẩn trong hồi sức cấp cứu	4		
Rối loạn thăng bằng kiểm toan	4		
Cấp cứu sốc mất máu trong bệnh lý tiêu hóa	4		
Cấp cứu sốc mất máu trong chấn thương	4		
Cấp cứu trong chấn thương sọ não	4		
Xử lý các vết thương trong cấp cứu	4		

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Lượng giá điểm lâm sàng và lý thuyết riêng.
- Điểm đạt: $\geq 4,0$ với mỗi phần lý thuyết và lâm sàng.
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: trên 80% thời gian học tập lý thuyết và 100% thời gian học lâm sàng

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Thi cuối kỳ:

Lý thuyết: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm

Lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.

- Điểm lý thuyết: điểm thi lý thuyết
- Điểm thực hành/lâm sàng: điểm thi lâm sàng
- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Trần Thị Minh

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: **Phương tễ học lâm sàng**

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Trần Thị Thu Vân

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Phòng 907

Điện thoại: 0989255272

email: thuvan1972@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại:

Email:

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Trần Thị Thu Vân

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Phòng 907

Điện thoại: 0989255272

email: thuvan1972@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Phương tễ học lâm sàng

Tên tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine clinical

2.2. Mã học phần: HVPT

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/Thực hành/tự học): (01LT/01LS)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bachelor: Bác sĩ nội trú

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn) **Bắt buộc**

2.6. Các học phần tiên quyết: Y lý YHCT, Đông dược, Bệnh học Nội YHCT

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
- + Lâm sàng: 45 tiết.
- + Thực hành, thực tập : *lâm sàng đi tại các bệnh viện vào các buổi sáng.*
- + Hoạt động theo nhóm:

Lý thuyết: cả lớp học tập trung.

Lâm sàng: chia nhóm 8 bạn/nhóm đi lâm sàng các khoa trên bệnh viện vào tất cả các buổi sáng.

- + Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: bộ môn Phương tế

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- + Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc
- + Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT
- + Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc
- + So sánh được phương thuốc cùng nhóm

3.1.2. **Kĩ năng:** Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng

3.1.3. **Thái độ:**

Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần *(viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).*

Phương tế học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

* **Lý thuyết**

Buổi 1: Tên bài: Nguyên tắc trị liệu YHCT, Phương thuốc giải biểu, Phương thuốc thanh nhiệt

Buổi 2 : Tên bài: Phương thuốc hoà giải- Phương thuốc ôn lý- Phương thuốc trừ phong- Phương thuốc trừ thấp- Phương thuốc trừ phong thấp

Buổi 3 : Tên bài: Phương thuốc an thân- Phương thuốc cố sáp- Phương thuốc lý khí- Phương thuốc lý huyết- Phương thuốc trừ đàm

Buổi 4 : Tên bài: Phương thuốc bổ

* **Lâm sàng**

Bình bệnh án vào các buổi sáng đi lâm sàng tại bệnh viện.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Phương tễ học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiêu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1: Nguyên tắc trị liệu YHCT, Phương thuốc giải biểu, Phương thuốc thanh nhiệt	<p>1 Một số khái niệm cơ bản về Phương tễ</p> <p>2 Mối quan hệ giữa Phương tễ và các phương pháp trị liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trị vị bệnh - Tiêu và bản - Lập pháp chế phương - Nhân thời, nhân địa, nhân chi thi trị - Tính năng của thuốc <p>3. Phương thuốc giải biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> -Ma hoàng thang - Đại thanh long thang - Tiểu thanh long thang - Quế chi thang - Tang cúc ẩm - Ngân kiều tán 	4 tiết	<p>1. Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc</p> <p>2. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT</p> <p>3. Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc</p> <p>4. So sánh được phương thuốc cùng nhóm</p> <p>5. Vận dụng được phương</p>	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	PGS.TS Trần Thị Thu Vân

	<p>4. Phương thuốc thanh nhiệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạch hồ thang - Thanh dinh thang - Hoàng liên giải độc thang - Đạo xích tán - Tả kim hoàn - Long đờm tả can thang - Ngọc nữ tiên - Thanh hao miết giáp tán 		thuốc đó trên lâm sàng		
<p>Chương 2:</p> <p>Phương thuốc hoà giải-</p> <p>Phương thuốc ôn lý</p> <p>Phương thuốc trừ phong-</p> <p>Phương thuốc trừ thấp-</p> <p>Phương thuốc trừ phong thấp</p>	<p>1. Phương thuốc hòa giải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại sài hồ thang - Tiểu sài hồ thang - Tiêu dao tán <p>2. Phương thuốc trừ hàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại kiến trung thang - Tiểu kiến trung thang <p>3. Phương thuốc trừ phong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Linh giác câu đằng thang - Thiên ma câu đằng ẩm <p>4. Phương thuốc trừ phong thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khương hoạt thắng thấp thang - Quyên tý thang - Tam tý thang 	4 tiết	<p>1. Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc</p> <p>2. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT</p> <p>3. Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc</p> <p>4. So sánh được phương thuốc cùng nhóm</p> <p>5. Vận dụng</p>	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực:</p> <p>Máy chiếu</p> <p>Slide,</p> <p>tương tác người học – dạy,</p> <p>thảo luận</p> <p>.....</p>	PGS.TS Trần Thị Thu Vân

	- Độc hoạt ký sinh thang		được phương thuốc đó trên lâm sàng		
Chương 3: Phương thuốc an thần- Phương thuốc cố sáp- Phương thuốc lý khí- Phương thuốc lý huyết- Phương thuốc trừ đàm	1. Phương thuốc An thần - Thiên vương bổ tâm đan - Giao thái hoàn - Toan táo nhân thang 2. Phương thuốc cố sáp tán - Ngọc bình phong - Tứ thần hoàn - Toan táo nhân thang 3. Phương thuốc lý khí - Việt cúc hoàn - Hậu phác ôn trung thang 4. Phương thuốc lý huyết - Huyết phủ trực ứ thang - Bổ dương hoàn ngũ thang - Hòe hoa tán 5. Phương thuốc trừ đàm - Nhị trần thang - Ôn đờm thang - Bách hợp cố kim thang - Bán hạ bạch truật thiên ma thang	4 tiết	1. Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc 2. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT 3. Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc 4. So sánh được phương thuốc cùng nhóm 5. Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, trương tác người học – dạy, thảo luận	PGS.TS Trần Thị Thu Vân

<p>Chương 4: Phương thuốc bổ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lục vị địa hoàng hoàn - Tả quy hoàn - Đại bổ âm hoàn - Thận khí hoàn - Hữu quy hoàn - Tứ quân tử thang - Bổ trung ích khí thang - Sâm linh bạch truật tán - Tứ vật thang - Quy tỳ thang - Bát trân thang - Thập toàn đại bổ thang 	<p>3 tiết</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc 2. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT 3. Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc 4. So sánh được phương thuốc cùng nhóm 5. Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng 	<p>Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận</p>	<p>PGS.TS Trần Thị Thu Vân</p>
---	--	---------------	---	---	--

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

Giáo trình Phương tễ dành cho đối tượng sau đại học - Bộ môn Phương tễ thuộc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo:

2010

- 中甲 (2021), 方学. 新世 - 全国高等中医院校规划教材, 供中医 用。中国中医 出版社. Đẳng Trung Giáp (2021). Phương tễ học. Giáo trình dành cho các trường đại học Trung y dược trong toàn quốc- Thế kỷ mới. Hải thượng Y tông tâm lĩnh – NXB Y Học 2008
- 彭仁 (2015), 中医方 大辞典, 人民 生出版社.
- Bành Hoài Nhân (1993). Trung y phương tễ đại từ điển. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc, xuất bản lần thứ 2
- Viện y học trung y Bắc Kinh (1994), *Phương tễ học giảng nghĩa*, Nhà xuất bản Y học.
- Trần Văn Bản (2013), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y học.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

stt	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên	Ghi chú
		Lên lớp (Tiết)							
		LT	TH	BT	TL	Tổng cộng			
1	Nguyên tắc trị liệu YHCT Phương thuốc giải biểu Phương thuốc thanh nhiệt	04				04		Nghiên cứu kỹ bài trước khi lên lớp	
2	Phương thuốc hoà giải Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong Phương thuốc trừ thấp Phương thuốc trừ phong thấp	04				04			

3	Phương thuốc an thần Phương thuốc cố sáp Phương thuốc lý khí Phương thuốc lý huyết Phương thuốc trừ đàm	04			04		
4	Phương thuốc bổ	03			03		

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Bình bệnh án điều trị chứng thất miên	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
2	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng tý	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
3	Bình bệnh án điều trị chứng huyễn vựng	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
4	Thảo luận lâm sàng điều trị Trúng phong	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
5	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng đàm thấp	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
6	Bình bệnh án điều trị chứng tiết tả	4	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
7	Bình bệnh án điều trị chứng tiêu khát	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
8	Thi lâm sàng	5	Bộ môn Phương tế	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi lâm sàng vấn đáp, thi lý thuyết làm tiểu luận.
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%
- Yêu cầu đối với lâm sàng:
 - + 04 bệnh án điều kiện, 01 bệnh án thi
 - + Tham gia khám và điều trị cùng khoa lâm sàng.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: làm bài tiểu luận, lấy thang điểm 10

9.2 Điểm lâm sàng: học viên làm bệnh án, giảng viên hỏi thi vấn đáp từng học viên. Thang điểm 10 (trong đó điểm chấm bệnh án 4 điểm, điểm vấn đáp 6 điểm)

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm TK = (Điểm LT×2 + Điểm LS)/3

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS Trần Thị Thu Vân

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHÂM CỨU

Môn: Châm cứu

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: TRẦN ĐỨC HỮU

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ:

Điện thoại: 0983951056 Email: Ts.bs.huu@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (nếu có) (họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail):

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại: Email:

- Giảng viên tham gia giảng dạy: PHẠM HỒNG VÂN

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Điện thoại: 0904306556 email:

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Châm cứu

Tên tiếng Anh:

2.2. Mã học phần: Bác sĩ Nội trú ngành Y học cổ truyền

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/Thực hành/tự học): 3 tín chỉ (LT 2; LS 1)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bachelor: Bác sĩ Nội trú YHCT

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc

2.6. Các học phần tiên quyết: Các môn cơ sở

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có)

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30

+ Làm bài tập trên lớp:

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: ... tiết/tổ

+ Thực hành, thực tập (*ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*): 15

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm học viên

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn CHÂM CỨU

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.
- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí
- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi
- Trình bày được định nghĩa tý ngũ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngũ lưu trú pháp
- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh
- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện

3.1.2. Kỹ năng:

- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu

3.1.3. Thái độ:

- Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn
- Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần (*viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề*).

Các qui định pháp lý cơ bản trong công tác được trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, tồn trữ và sử dụng v.v... Cụ thể:

* Lý thuyết

- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.
- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí
- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi
- Trình bày được định nghĩa tý ngũ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngũ lưu trú pháp
- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh

- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện

*** Thực hành:**

- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp

- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu

*** Lâm sàng:**

- Ứng dụng châm cứu trong điều trị một số bệnh.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.

- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí

- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi

- Trình bày được định nghĩa tý ngũ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngũ lưu trú pháp

- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp

- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh

- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1:	Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí trong điều trị một số bệnh . 	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tranh tác người học – dạy, thảo	

				luận	
Chương 2:	Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	4	Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi		
Chương 3:	Chuyên đề 3: Tý ngộ lưu trú	4	- Trình bày được định nghĩa tý ngộ lưu trú và một số quy tắc của Tý ngộ lưu trú pháp		
Chương 4	Chuyên đề 4: Phương pháp bổ tả	4	Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp		
Chương 5	Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp ất kinh	4	Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Giáp ất kinh		
Chương 6	Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	4	Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Châm cứu Đại thành		
Chương 7	Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3	Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện.		

Chương 8	Chuyên đề 8: Măng châm và điện măng châm	3	- Trình bày được kỹ thuật măng châm, điện măng châm		

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

Tài liệu giảng dạy châm cứu, dành cho đối tượng Sau Đại học.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. **Bách khoa thư bệnh học**, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994
2. **Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995)**, *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng*, WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf
3. **Hoàng Phủ Mật, Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch**, Châm cứu Giáp ất kinh, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)
4. **Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang ,** Châm cứu học sau đại học, Nhà xuất bản Y học 1997.
5. **Nguyễn Tử Siêu**, Hoàng đế nội kinh tổ vấn, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh
6. **Phan Quan Chí Hiếu**, Châm cứu học - Tập 1, Nhà xuất bản Y học 2007.
7. **Hình thức tổ chức dạy – học**

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học	4					<i>Đọc giáo trình, tài liệu tham</i>	

2	Chuyên đề 2: Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	4					<i>khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác</i>
3	Chuyên đề 3: Tỷ lệ ngũ lưu trú	4					
4	Chuyên đề 4: Phương pháp bổ tả	4					
5	Chuyên đề 5: Linh khu, Châm cứu giáp ất kinh	4					
6	Chuyên đề 6: Châm cứu Đại thành	4					
7	Chuyên đề 7: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	3					
8	Chuyên đề 8: Mãng châm và điện mãng châm	3					

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả đơn trong CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
2	Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả phối hợp trong CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
3	Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
4	Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
5	Ứng dụng mãng châm, điện mãng châm trong điều trị bệnh	04	TS Trần Đức Hữu	
6	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04	TS Trần Đức Hữu	
7	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04	TS Trần Đức Hữu	
8	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh tọa	04	TS Trần Đức Hữu	

9	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị thoái hoá khớp bằng CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
10	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
11	Thi lâm sàng	02	TS Trần Đức Hữu	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: ...
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

Quy định về thời hạn: Học viên phải tự chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 15 người. Việc nhiều nhóm làm slide khác nhau rồi tự chuyển cho nhau trong lớp. Sinh viên phải đọc bài và slide để chuẩn bị lên lớp, tự trao đổi trước với nhau. Trên lớp giảng viên chỉ định bất cứ sinh viên nào lên trình bày và bất cứ ai giải trình slide đang trình bày để làm rõ các vấn đề của bài học - theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).


Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Đức Hữu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẨM HUYỆT

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: **Khí công dưỡng sinh- Xoa bóp bấm huyệt**
- * Tiếng Anh: Qigong nourioushing – acupressure masage
- Mã học phần/ mô đun: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền
- Số tín chỉ: 04 tín chỉ (LT 2; TH 1; LS 1)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết
 - + Lâm sàng: 30 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Khí công dưỡng sinh – Xoa bóp bấm huyệt

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS.Trần Thái Hà	091 337 87 75	phdtranthaiha@gmail.com
2	PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh	0913492216	xuancanhvh@gmail.com
3	TS. Phạm Thanh Tùng	090 327 8093	tunghuongvung@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống. - Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp. - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .
MT2	<p>Kỹ năng:</p> <p>Thực hành thành thạo các kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ thuật Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống - Ứng dụng Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ vữa. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh
MT3	<p>Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn, Phòng thực hành</p> <p>Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng</p>

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
<p>Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống. - Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa bóp 	3	3	3

bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp. - Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. - Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh .			
Kỹ năng: Thực hành thành thạo các kỹ năng về: - Thủ thuật Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống - Ứng dụng Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ cứng. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	3	3	3
Thái độ làm việc tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn, Phòng thực hành Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng	3	3	3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CDR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CDR	Nội dung CDR HP (CLO)
CLO1	Trình bày được nguồn gốc, lịch sử định nghĩa, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những điều cần lưu ý của Xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống.
CLO2	Thực hành thành thạo, ứng dụng các thủ thuật xoa bóp bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp.
CLO3	Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.

	Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh
CLO4	Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động. Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh
CLO5	Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun					
	CDR1	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
Đại cương về Khí công: nguồn gốc, lịch sử, định nghĩa, tác dụng của Khí công.	3	3	3	3	3	3
Các trường phái của Khí công, Khí công trong rèn luyện sức khỏe và chữa bệnh.	3	3	3	3	3	3
Quan niệm của Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông và các Y gia về KC – DS	3	3	3	3	3	3
Những hiểu biết về Khí trong KC: khái niệm về Khí, phân loại Khí.	3	3	3	3	3	3
Luyện tư thế trong KC	3	3	3	3	3	3
Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công	3	3	3	3	3	3
Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	3	3	3	3	3	3
Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở	3	3	3	3	3	3
Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	3	3	3	3	3	3
Đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt, ứng dụng XBBH trong điều trị một số bệnh thường gặp	3	3	3	3	3	3
Đại cương phương pháp tác động cột sống, ứng dụng TĐCS trong điều trị một số bệnh thường gặp	3	3	3	3	3	3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3	Bảng, phấn
4	Thảm yoga
5	Giường y tế

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Như nhiều dân tộc khác ở trên thế giới, nước ta cũng sớm có môn dưỡng sinh và xoa bóp cổ truyền. Đó là kết tinh những kinh nghiệm của dân tộc ta và những kinh nghiệm giao lưu với nước ngoài đã được dân tộc ta vận dụng có kết quả và tổng kết lại.

Xoa bóp dân tộc là một phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh với sự chỉ đạo của lý luận y học cổ truyền. Đặc điểm của nó là dùng bàn tay, ngón tay là chính để tác động lên huyết da thịt gân khớp của người bệnh, nhằm đạt tới mục đích phòng bệnh và chữa

bệnh. Ưu điểm là đơn giản, dễ phổ biến, có phạm vi chữa bệnh rộng, có giá trị phòng bệnh lớn.

Phương pháp dưỡng sinh là một phương pháp tự lực cánh sinh, tự mình tập luyện cho mình nhằm 4 mục đích:

- Bồi dưỡng sức khỏe.
- Phòng bệnh.
- Trị bệnh mạn tính.
- Tiến tới sống lâu, sống khỏe và sống có ích.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2) BÀI 1: Đại cương về Khí công: nguồn gốc, lịch sử, định nghĩa, tác dụng của Khí công. BÀI 2: Các trường phái của Khí công, Khí công trong rèn luyện sức khỏe và chữa bệnh. BÀI 3: Quan niệm của Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông và các Y gia về KC – DS	(3) 4/0/0	(4) 1.Trình bày được đại cương về khí công 2. Trình bày được các trường phái của khí công	(5) CLO1 CLO3	(6) 1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	(7) 1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	(8)
Buổi 2 (4 tiết)	BÀI 4: Những hiểu biết về Khí trong KC: khái niệm về Khí, phân loại Khí Những hiểu biết về Tinh – Thần trong Khí công BÀI 5: Luyện tư thế trong KC Luyện tĩnh: luyện ý, luyện tư thế, luyện thở	4/0/0	1. Trình bày được hiểu biết về khí, tinh, thần 2. Trình bày được luyện tư thế, luyện tĩnh, luyện động	CLO1 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

	Luyện tư thế động: luyện động tác, luyện ý, luyện thở								
Buổi 3 (4 tiết)	<p>Bài 5: Đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt, ứng dụng XBBH trong điều trị một số bệnh thường gặp</p> <p>Đại cương phương pháp tác động cột sống, ứng dụng TDCS trong điều trị một số bệnh thường gặp</p>	4/0/0	<p>1. Trình bày được đại cương phương pháp xoa bóp bấm huyệt điều trị một số bệnh thường gặp</p> <p>2. Trình bày được phương pháp tác động cột sống, ứng dụng TDCS trong điều trị một số bệnh thường gặp</p>	CLO1- CLO4	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>			
Buổi 4 (4 tiết)	<p>Bài 6: Vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh</p> <p>Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh</p>	3/0/0	<p>1. Trình bày được Ứng dụng bài tập khí công dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh</p>	CLO1- CLO4	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>			
	Thi kết thúc học phần	0,5 tiết							KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên đánh (ở c/ bài 8.2. (9)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Thủ thuật Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về thủ thuật Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống	CLO1 CLO2 CLO3		1. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 2. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình 3. Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	1. Trả lời các câu hỏi 2. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình 3. Thực tập các thủ thuật trên mô hình	
Buổi 2 (4 tiết)	Thực hành ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt, tác	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về thủ thuật Xoa bóp	CLO1 CLO2 CLO3		4. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp	4. Trả lời các câu hỏi	

	động cột sống trong điều trị một số bệnh		bấm huyết, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh				5. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	5. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 3 (4 tiết)	Luyện thư giãn Luyện thở Luyện ý.	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn Luyện thở Luyện ý.	CLO1 CLO2 CLO3			6. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 7. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	6. Trả lời các câu hỏi 7. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 4 (4 tiết)	Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. Luyện động tác chống xo xướng	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. Luyện động tác chống	CLO1 CLO2 CLO3			8. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 9. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình	8. Trả lời các câu hỏi 9. Quan sát giảng viên hướng dẫn

							Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 5 (4 tiết)	Thực hành ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	04	Thực hành thành thạo các kỹ năng về ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều trị một số bệnh	CLO1 CLO2 CLO3			10. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 11. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	Trả lời các câu hỏi. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 6 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống trong điều trị một số bệnh thường gặp	CLO1 CLO2 CLO3			12. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 13. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	10. Trả lời các câu hỏi 11. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình

Buổi 7 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng: Luyện thư giãn, Luyện thở, Luyện ý.	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Luyện thư giãn, Luyện thở, Luyện ý trên lâm sàng	CLO1 CLO2 CLO3	14. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 15. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	12. Trả lời các câu hỏi 13. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 8 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng: - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh, - Luyện động tác chống xơ cứng	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh, - Luyện động tác chống xơ cứng	CLO1 CLO2 CLO3	16. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 17. Hướng dẫn thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	14. Trả lời các câu hỏi 15. Quan sát giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
Buổi 9 (4 tiết)	Lâm sàng ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong	04	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng về: các bài tập dưỡng sinh	CLO2	18. Nhắc lại kiến thức đã học trên lớp 19. Hướng dẫn	16. Trả lời các câu hỏi 17. Quan sát

Buổi 10 (4 tiết)	Thi hết thực hành/làm sàng: Chấm hợp điểm các bài	04	trong điều trị một số bệnh thường gặp			thực hành mẫu trên mô hình Quan sát học viên thực tập và hướng dẫn tư thế chuẩn	giảng viên hướng dẫn trên mô hình Thực tập các thủ thuật trên mô hình
				CLO3			

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả luận đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic đầy đủ	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình	20%		Chữ viết rõ	Chữ viết rõ	Chữ viết đọc	Chữ viết xấu, Cầu thả;		

bày;			ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bó cục chặt mạch Không chính tả	ràng; trình bày đẹp; Bó cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	được; Bó cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán	khó đọc; Bó cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
------	--	--	---	--	---	--	---

Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO2 CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Khuyến khích 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày Hiệu ứng xuất 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày

				hiện chưa phù hợp	hiện khi cần thiết	hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết	hiệu ứng xuất hiện theo dõi
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên

				<p>chung</p> <p>2. – Kế hoạch rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<p>kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<p>kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch không rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch đầy đủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<p>- Ít tham gia ý kiến chung</p> <p>2. – Kế hoạch không rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên
--	--	--	--	---	---	--	--	---	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rucbric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	30%	Điểm chuyên cần/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm máy tính, thi tự luận/ viết tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Tài liệu giảng dạy DƯỠNG SINH – XOÁ BÓP BẨM HUYẾT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III*, Nhà xuất bản y học, tr 7-75.

2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp*, Vụ huấn luyện Bộ Y tế.

3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công*, Nhà xuất bản y học.

4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền*, Nhà xuất bản y học, tr 7-173.

5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ*, Nhà xuất bản y học.

6. Nguyễn Văn Hưởng (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.

7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc*, Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.

9. **Vũ Quang Tiệp** (1977), *Thế dục phòng bệnh và chữa bệnh*, Nhà xuất bản Thể dục thể thao.
10. **Tuệ Tĩnh** (1998), *Hồng nghĩa giác tu y thư*, Nhà xuất bản y học 1998.
11. **Lê Hữu Trác** (1997), *Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh*, Nhà xuất bản y học 1997.
12. **Nguyễn Khắc Viện** (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh*, Nhà xuất bản y học.
13. **Bộ môn YHCT** - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. **Bộ môn YHCT** - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học
15. **Trần Quang Đạt, Trần Thái Hà** (2022). *Điều trị một số chứng bệnh thường gặp trên lâm sàng bằng phương pháp châm cứu, xoa bóp, khí công dưỡng sinh*. Nhà xuất bản Y học.
16. **Trần Thái Hà, Trần Quang Đạt** (2022). *Châm cứu xoa bóp dưỡng sinh chữa và phòng một số chứng bệnh mạn tính ở người cao tuổi*. Nhà xuất bản Y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

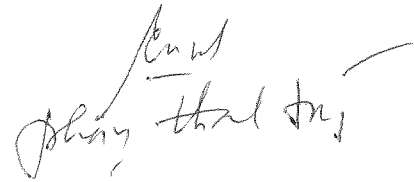
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
Môn: Chuyên ngành Nội khoa

1. Thông tin về giảng viên

1. Trần Thị Kim Thu

Chức danh, học hàm, học vị: PCN BM Nội - Ths.BSCK2

Địa chỉ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Điện thoại: 0982463479 email: bstrankimthu@gmail.com

2. Đặng Việt Sinh

Chức danh, học hàm, học vị: GV BM Nội - Thạc sĩ

Địa chỉ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Điện thoại: 0915011418 email: bssinh2016@gmail.com

3. Trần Thị Minh

Chức danh, học hàm, học vị: GV BM Nội - Thạc sĩ

Địa chỉ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Điện thoại: 0392426017 email: bstranminh8178@gmail.com

4. Trần Hải Yến

Chức danh, học hàm, học vị: GV BM Nội - Thạc sĩ

Địa chỉ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Điện thoại: 0932371045 email: bstranhaiyen1307@gmail.com

5. Nguyễn Thị Hồng Loan

Chức danh, học hàm, học vị: GV BM Nội - Ths.BSCK2

Địa chỉ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Điện thoại: 0983937809 email: honglaonbibi@gmail.com

6. Trần Thị Thu Hương

Chức danh, học hàm, học vị: GV BM Nội - Thạc sĩ

Địa chỉ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bm Nội – Học viện YDHCT Việt Nam

Điện thoại: 0983290394

email: huonggvbve@hmail.com

7. Lê Quang Toàn

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên thỉnh giảng – Tiến sỹ

Địa chỉ: Khoa Đái Tháo Đường – BV Nội tiết TW

Điện thoại: 0904464680

email: letoan.endo@gmail.com

8. Hoàng Thanh Tuyền

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên thỉnh giảng – PGS.TS

Địa chỉ: Bệnh viện 198 – Bộ CA

Điện thoại: 0903211254

email: twyenht@gmail.com

9. Chu Dũng Sĩ

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên thỉnh giảng – Tiến sỹ

Địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hải Phòng

Điện thoại: 0906086160

email: Sichu.bvbachmai@gmail.com

10. Nguyễn Minh Tuấn

Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên thỉnh giảng – Thạc sỹ

Địa chỉ: Bệnh Viện E TW

Điện thoại: 0982150672

email: bstuan76bve@gmail.com

2. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

2.1. Tên Học phần/ Môn học:

* Tiếng Việt: Nội khoa

* Tiếng Anh: Medical

2.2. Mã Học phần/ Môn học

2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/ thực hành/ tự học*): 12 (05LT/07TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bachelor: Bác sĩ nội trú YHCT

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (*bắt buộc hay tự chọn*) **Bắt buộc**

2.6. Các học phần tiên quyết: ...

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (*nếu có*):....

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 76

+ Làm bài tập trên lớp: ...

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: ... tiết/tổ

+ Thực hành, thực tập (*ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*): Thực hành lâm sàng tại bệnh viện thực hành

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm ... học viên

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Nội – tổ YHHD

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Kiến thức:

Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh một số bệnh nội khoa thường gặp.

Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh nội khoa thường gặp.

Trình bày được chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.

3.1.2. Kỹ năng:

Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội khoa thường gặp

Thực hành thành thạo thăm khám, chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội khoa thường gặp

Chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.

Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp

Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong thăm dò và điều trị một số bệnh nội khoa

3.1.3. Thái độ:

Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần (viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).

Các qui định pháp lý cơ bản trong công tác được trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, tồn trữ và sử dụng v.v... Cụ thể:

*** Lý thuyết**

Nắm được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị một số bệnh nội nội khoa thường gặp.

Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp.

*** Thực hành**

Có khả năng phân tích, xử lý một số bệnh nội khoa thường gặp

Thực hành thành thạo chẩn đoán, xử lý, tiên lượng, hướng dẫn phòng bệnh một số bệnh lý nội khoa thường gặp

Chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ chẩn đoán, điều trị một số bệnh nội khoa thường gặp.

Vận dụng kiến thức bệnh học chẩn đoán và điều trị được một số bệnh nội khoa thường gặp

Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật trong thăm dò và điều trị một số bệnh nội khoa

4. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Học phần bệnh học là học phần rất quan trọng, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về bệnh học các bệnh nội khoa thường gặp, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về bệnh, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa thường gặp. Phần thực hành lâm sàng sẽ tập trung chủ yếu vào thăm khám, nhận định các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán và đề xuất hướng điều trị cụ thể một số bệnh lý thường gặp trên lâm sàng.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Tim mạch	Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim	1	Nắm được chẩn đoán xác định và điều trị bệnh mạch vành – nhồi máu cơ tim	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Ths Đặng Việt Sinh
	Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng	2	Độc được hình ảnh điện tâm đồ bình thường và một số bệnh lý thường gặp		
	Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn		
	Xơ vữa động mạch	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Xơ vữa động mạch		

	Bệnh động mạch ngoại vi	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Bệnh động mạch ngoại vi		
	Viêm màng ngoài tim	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn		TS Chu Dũng Sĩ
	Suy tim cấp, mạn	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn		
	Tăng huyết áp và con tăng huyết áp cấp	1	Nắm được Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản		
Hô hấp	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Ths BSCKII Trần Thị Kim Thư
	Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	1	Nắm được Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản		
	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị		
	Tràn dịch Màng phổi	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản		
	Tràn khí màng phổi	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Tràn khí màng phổi		
	Giãn phế quản	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Giãn phế quản		
	Tâm phế mạn	2	Nắm được chẩn		

			đoán và điều trị Tâm phế mạn		
	Ung thư phế quản	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Ung thư phế quản		
	Viêm phổi	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm phổi		
Tiêu hóa	Điều trị viêm gan virus B,C	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị viêm gan virus B,C	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	PGS Hoàng Thanh Tuyền
	Điều trị xuất huyết tiêu hóa	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hóa		
	Ung thư gan nguyên phát	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Ung thư gan nguyên phát		
	Áp xe gan	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Áp xe gan		
	Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản		
	Điều trị loét dạ dày, tá tràng	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị loét dạ dày, tá tràng		
	Viêm tụy cấp	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm tụy cấp		
	Hội chứng ruột kích thích	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị		

			Hội chứng ruột kích thích		
Thận tiết niệu	Suy thận cấp	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Suy thận cấp	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Ths Trần Thị Thu Hương
	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính	1	Nắm được Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính		
	Viêm bàng quang	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị		
	Hội chứng thận hư	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm bàng quang		
	Sỏi thận, tiết niệu	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Sỏi thận, tiết niệu		
	Bệnh lý cầu thận	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Bệnh lý cầu thận		
	Viêm thận, bể thận cấp, mạn	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm thận, bể thận cấp, mạn		
Cơ xương khớp	Các thuốc chống viêm NSAID và steroid sử dụng trong điều trị bệnh khớp	2	Nắm được chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, tác dụng không mong muốn của các thuốc chống viêm NSAID và steroid sử dụng trong điều trị bệnh khớp	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Ths Trần Thị Minh
	Các bệnh hệ thống thường gặp: Lupus ban đỏ hệ thống, xơ cứng bì	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Lupus ban đỏ hệ		

			thông. Nắm được chẩn đoán và điều trị xơ cứng bì.		
	Viêm khớp dạng thấp	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm khớp dạng thấp		
	Gút cấp, mạn	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Gút cấp, gút mạn		
	Loãng xương	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Loãng xương		
	Đau cột sống thắt lưng và thần kinh tọa	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Đau cột sống thắt lưng và thần kinh tọa		
Nội tiết CH	Basedow	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Basedow	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Ths.BSC KII Nguyễn Thị Hồng Loan
	Viêm tuyến giáp	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Viêm tuyến giáp		
	Đái tháo nhạt	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Đái tháo nhạt		
	Suy thượng thận cấp - mạn	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị		
	U tủy thượng thận	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Suy thượng thận cấp - mạn		
	Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	2	Nắm được Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái		TS.BS Lê Quang Toàn

			tháo đường		
	Đái tháo đường thai kỳ	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Đái tháo đường thai kỳ		
Huyết học	Leucemie cấp, mạn	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Leucemie cấp, mạn	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Ths Trần Hải Yến
	Đa u tủy xương	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị Đa u tủy xương		
	Thiếu máu tan máu	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Thiếu máu tan máu		
	An toàn truyền máu	2	Nắm được chẩn đoán và điều trị An toàn truyền máu		
	Xuất huyết giảm tiểu cầu	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Xuất huyết giảm tiểu cầu		
	U lympho Hodgkin	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị U lympho Hodgkin		
	Suy tủy xương	1	Nắm được chẩn đoán và điều trị Suy tủy xương		

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

Bài giảng Nội bệnh lý (2018), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo:

Bệnh học nội khoa tập 1 (2012), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

Bệnh học nội khoa tập 2 (2012), Bộ môn Nội – Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.

Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Bệnh học cơ xương khớp nội khoa (2012), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.

Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.

Bệnh hô hấp(2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1.	Bệnh mạch vành - nhồi máu cơ tim	1					<i>Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác</i>	
2.	Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng	2						
3.	Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	2						
4.	Xơ vữa động mạch	2						
5.	Bệnh động mạch ngoại vi	1						
6.	Viêm màng ngoài tim	1						
7.	Suy tim cấp, mạn	2						
8.	Tăng huyết áp và cơn tăng huyết áp cấp	1						
9.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Hen Phế quản	1						
10.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị COPD	1						

11.	Áp xe phổi	2					
12.	Tràn dịch Màng phổi	1					
13.	Tràn khí màng phổi	1					
14.	Giãn phế quản	1					
15.	Tâm phế mạn	2					
16.	Ung thư phế quản	2					
17.	Viêm phổi	1					
18.	Điều trị viêm gan virus B,C	1					
19.	Điều trị xuất huyết tiêu hóa	2					
20.	Ung thư gan nguyên phát	2					
21.	Áp xe gan	2					
22.	Hội chứng trào ngược dạ dày thực quản	2					
23.	Điều trị loét dạ dày, tá tràng	1					
24.	Viêm tụy cấp	1					
25.	Hội chứng ruột kích thích	1					
26.	Suy thận cấp	2					
27.	Cập nhật chẩn đoán và điều trị Bệnh thận mạn tính	1					
28.	Viêm bàng quang	1					
29.	Hội chứng thận hư	1					
30.	Sỏi thận, tiết niệu	1					
31.	Bệnh lý cầu thận	2					
32.	Viêm thận, bể thận cấp, mạn	2					
33.	Các thuốc chống viêm NSAID và steroid sử dụng trong điều trị bệnh khớp	2					
34.	Các bệnh hệ thống	2					

	thường gặp: Lupus ban đỏ hệ thống, xơ cứng bì						
35.	Viêm khớp dạng thấp	1					
36.	Gút cấp, mạn	1					
37.	Basedow	1					
38.	Viêm tuyến giáp	2					
39.	Đái tháo nhạt	1					
40.	Suy thận cấp - mạn	2					
41.	U tủy thận	1					
42.	Cập nhật Chẩn đoán và điều trị đái tháo đường	2					
43.	Đái tháo đường thai kỳ	1					
44.	Leucemie cấp, mạn	2					
45.	Đa u tủy xương	2					
46.	Thiếu máu tan máu	1					
47.	An toàn truyền máu	2					
48.	Xuất huyết giảm tiểu cầu	1					
49.	U lympho Hodgkin	1					
50.	Suy tủy xương	1					

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Các bệnh van hai lá	02	Giảng viên thỉnh giảng bệnh viện Bạch Mai	
	Bệnh van động mạch chủ	02		
	Các bệnh màng ngoài tim	02		
	Thiếu máu cơ tim	02		
	Rối loạn chuyển hóa lipid và xơ vữa động mạch	02		
	Những rối loạn nhịp tim và rối loạn dẫn truyền	02		
	Tăng huyết áp	02		
	Suy tim	02		
	Thuốc sử dụng điều trị bệnh lý tim mạch	02		
	Điện tâm đồ trong hội chứng tăng gánh trong bệnh mạch vành và nhồi máu cơ tim	02		

	Thực hành các thủ thuật:		
	Đo CVP	2	
	Đọc Xquang tim	2	
	Truyền dịch	1	
	Kiến tập: Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm,	4	
	Kiến tập siêu âm tim, Doppler	4	
	Kiến tập đặt nội khí quản,	3	
	Kiến tập chọc dò màng ngoài tim	4	
2	Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng và viêm phổi mắc phải ở bệnh viện	02	
	Áp xe phổi	02	
	Ung thư phổi	02	
	Hen phế quản	02	
	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	02	
	Bệnh bụi phổi	02	
	Cập nhật các kỹ thuật chẩn đoán lao phổi	02	
	Điều trị lao – Mycobacteriae không lao	02	
	Nội soi và sinh thiết chẩn đoán bệnh hô hấp	02	
	Các phương pháp thăm dò chẩn đoán bệnh lý hô hấp	02	
	Những biến đổi CNHH trong một số bệnh lý hô hấp	02	
	Thăm dò chẩn đoán bệnh màng phổi: sinh thiết màng phổi,	02	
	nội soi lồng ngực	02	
	Nội soi phế quản	02	
	Dưỡng chấp lồng ngực	02	
	Viêm mũ màng phổi	02	
	Tràn khí màng phổi	02	
	Di chứng dày dính và vôi hoá màng phổi	02	
	Thực hành các thủ thuật:		
	- Đọc phim Xquang quy ước, CT Scanner, MRI	2	
	- Kiến tập Soi phế quản, Nhuộm soi đờm tìm BK	4	
	Chọc dò dịch màng phổi;	3	
Chọc hút bơm rửa áp xe phổi	4		
- Võ rung lồng ngực.	1		

	- Khí dung	1	
3	Bệnh thực quản	02	
	Viêm dạ dày cấp và mạn tính	02	
	Bệnh thực quản	02	
	Viêm dạ dày cấp và mạn tính	02	
	Loét dạ dày - hành tá tràng	02	
	Ung thư dạ dày	02	
	Chảy máu tiêu hóa cao	02	
	Hội chứng ruột kích thích	02	
	Viêm gan mạn	02	
	Xơ gan	02	
	Ung thư gan	02	
	Hôn mê gan	02	
	Bệnh đường mật	02	
	Bệnh tuyến tụy	02	
	Lao màng bụng	02	
	Ký sinh trùng đường ruột	02	
	Viêm đại tràng	02	
	Nội soi tiêu hóa	02	
	Thực hành: kiến tập các thủ thuật		
	Chọc dò màng bụng	4	
	Soi trực tràng	4	
	Hút dịch vị	2	
	Hút dịch tá tràng	2	
Rửa dạ dày	2		
Chọc hút ổ áp xe gan	4		
Nội soi dạ dày, tiêm xơ cầm máu, thắt TMTQ	4		
4	Những vấn đề về giải phẫu sinh lý thận	2	
	Các phương pháp thăm dò chức năng thận	2	
	Các bệnh cầu thận	2	
	Hội chứng thận hư	2	
	Viêm khe thận mạn	2	
	Các bệnh thận bẩm sinh	2	
	Những vấn đề về hội chứng suy thận mạn	2	
	Hội chứng suy thận cấp tính	2	
	Những quan điểm mới trong điều trị hội chứng	2	

	suy thận		
	Thận nhân tạo	2	
	Thực hành các thủ thuật:		
	Kiến tập: Soi bàng quang	4	
	Đọc phim thận, bàng quang có chuẩn bị và không chuẩn bị, phim CT, MRI.	2	
	Làm UIV	4	
	Kiến tập siêu âm thận	4	
5	Viêm khớp dạng thấp	2	
	Bệnh viêm cột sống dính khớp	2	
	Bệnh Goute	2	
	Thoái hóa khớp	2	
	Sử dụng chống viêm không steroid trong lâm sàng	2	
	Các bệnh tạo keo hay hệ thống	2	
	Bệnh loãng xương	2	
	Các thăm dò hình thái trong chẩn đoán bệnh khớp	2	
	Thực hành: kiến tập các thủ thuật:		
	Chọc dò khớp gối	2	
	Tiêm thuốc khớp gối, khớp ngón tay	4	
	Gây tê ngoài màng cứng	4	
	Tiêm thuốc ngoài màng cứng	4	
	Đọc Xquang xương khớp	2	
	Siêu âm khớp	4	
Đo mật độ xương	2		
6	Các bệnh tuyến yên và vùng Hypothalamus	2	
	Các bệnh tuyến thượng thận	2	
	Các bệnh tuyến tụy nội tiết và bệnh đái tháo đường	2	
	Các biến chứng của đái tháo đường	2	
	Điều trị bệnh đái tháo đường	2	
	Các bệnh tuyến giáp:	2	
	Bệnh Basedow	2	
	Suy chức năng tuyến giáp	2	
	Các bệnh tuyến cận giáp	2	

	Bệnh đái tháo nhạt	2		
	Sử dụng corticoid trong lâm sàng	2		
	Hội chứng Sheehan	2		
	Thực hành: Kiến tập các thủ thuật:			
	Chọc dò nang tuyến giáp	4		
	Đo đường huyết mao mạch bằng que thử	2		
	Siêu âm tuyến giáp	4		
7	U lympho không Hodgkin	2		
	Bệnh bạch cầu cấp và kinh	2		
	Xuất huyết giảm tiểu cầu chưa rõ nguyên nhân	2		
	Thiếu máu huyết tán	2		
	U lympho Hodgkin	2		
	Suy tủy xương	2		
	Bệnh Hemophilie	2		
	Bệnh Kahler	2		
	Tai biến truyền máu và cách xử trí	2		
	Thực hành: kiến tập các thủ thuật:			
	Làm XN nhóm máu	2		
	Làm tủy đồ	4		
	Làm huyết đồ	2		
	Truyền máu	2		

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Lượng giá điểm lâm sàng và lý thuyết riêng.
- Điểm đạt: $\geq 4,0$ với mỗi phần lý thuyết và lâm sàng.
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: trên 80% thời gian học tập lý thuyết và 100% thời gian học lâm sàng

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
- Thi cuối kỳ:
 - Lý thuyết: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm
 - Lâm sàng: Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.
- Điểm lý thuyết: điểm thi lý thuyết

- Điểm thực hành/lâm sàng: điểm thi lâm sàng
- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Thui

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Đoàn Minh Thụy

Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư – Tiến sĩ YHCT

Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT

Điện thoại: 0912933156 email: doanminhthuyvn@yahoo.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Lê Mạnh Cường

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ y khoa

Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT

Điện thoại: 0912234722 email: drcuong68@gmail.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Dương Minh Sơn

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ YHCT

Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT

Điện thoại: 0913553209 email: tuongson.dng@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Chuyên ngành ngoại khoa

Tên tiếng Anh:

2.2. Mã học phần: HVNG

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/ thực hành/tự học): 25.0 (8.0 LT/ 17.0 TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: YHCT

+ Bậc đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền.

+ Hình thức đào tạo: Chính quy

2.5. Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn): Tự chọn

2.6. Các học phần tiên quyết:

2.7. Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):

2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 120 tiết

+ Làm bài tập trên lớp:

+ Thảo luận:

+ Thực hành, thực tập (ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...): 510 tiết

+ Tự học: 0

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại YHCT.

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1. Về kiến thức:

1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh lý ngoại khoa
2. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ.
3. Giải thích đúng lý do chỉ định phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.
4. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng châm cứu và thuốc yhct các bệnh lý ngoại khoa.

3.2. Về kỹ năng:

1. Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa
2. Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh.
3. Đưa ra được chỉ định điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa

3.3. Thái độ:

1. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
2. Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

3.2.1. Lý thuyết

1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ

trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa

3. Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh

3.2.2. Thực hành

1. Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh

2. Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT

3. Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHD

4. Tóm tắt nội dung học phần

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHD một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHD.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
	Chương 1: Bệnh lý Da liễu	24	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn

/Phần	Nội dung chi tiết	(giờ)	Mục tiêu cụ thể	dạy-học	phụ trách
			bằng YHCT kết hợp YHHĐ		
	Chương 2: Bệnh lý hậu môn trực tràng	24	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn
	Chương 3: Bệnh lý Y học giới tính	33	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn
	Chương 4: Bệnh lý tim mạch	15	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các	- Trình bày, phát vấn	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường.

/Phần	Nội dung chi tiết	Số giờ (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
			bệnh lý ngoại khoa theo YHHD và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHD	- Trao đổi, thảo luận, semina	Ts. Dương Minh Sơn
	Chương 5: Bệnh lý tiết niệu	24	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHD	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn

6. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

6.1. Tài liệu chính:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

6.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Chương 1: Bệnh lý Da liễu	24						
2	Chương 2: Bệnh lý hậu môn trực tràng	24						
3	Chương 3: Bệnh lý Y học giới tính	33						
4	Chương 4: Bệnh lý tim mạch	15						
5	Chương 5: Bệnh lý tiết niệu	24						

Giảng dạy thực hành

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Da liễu	102	PGS.TS. Đoàn Minh Thụ	
2	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý hậu môn trực tràng	102	TS. Lê Mạnh Cường.	
3	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Y học giới tính	102	PGS.TS. Đoàn Minh Thụ	
4	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tim mạch	102	PGS.TS. Đoàn Minh Thụ	
5	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tiết niệu	102	Ts. Dương Minh Sơn	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: thi tự luận/ làm tiểu luận
 - o Thực hành: báo cáo thực hành

- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp:
 - o Lý thuyết: nghỉ học không quá 20% tổng số giờ quy định
 - o Thực hành: yêu cầu tham gia đầy đủ các buổi thực hành
- Quy định về thời hạn:

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

9.1 Điểm lý thuyết: thi tự luận/ làm tiểu luận, điểm đạt từ 4/10 trở lên

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: báo cáo thực hành, điểm đạt từ 4/10 trở lên

9.3 Điểm tổng kết học phần:

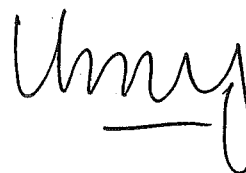
$$\text{Điểm học phần} = (\text{điểm lý thuyết} \times 2 + \text{điểm thực hành})/3$$

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Đoàn Minh Thụy

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Chuyên ngành Nội Y học cổ truyền

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Đoàn Quang Huy

Chức danh, học hàm, học vị: Phó Chủ nhiệm Bộ môn, Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: giờ hành chính, Bộ môn Nội, Phòng 1017, nhà A,
Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Điện thoại: 0984 55 8888

Email: huydoanquang195@gmail.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: 03

+ Chức danh, học hàm, học vị: Nguyễn Tiến Chung

Thời gian, địa điểm liên hệ: giờ hành chính, Bộ môn Nội, Phòng 1017, nhà A,
Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Điện thoại: 0989 304689

Email: nguyentienchung89@gmail.com

+ Chức danh, học hàm, học vị: Trần Anh Tuấn

Thời gian, địa điểm liên hệ: giờ hành chính, Khoa Nội, Tầng 3, Bệnh viện Tuệ
Tĩnh, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Điện thoại: 0904 337 910

Email: tuantrananh@gmail.com

+ Chức danh, học hàm, học vị: Vũ Thị Thuận

Thời gian, địa điểm liên hệ: giờ hành chính, Khoa khám bệnh, tầng 1 Bệnh viện
Tuệ Tĩnh, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Điện thoại: 0904 415 766

Email: vuthithuan@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Chuyên ngành Nội Y học cổ truyền

Tên tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

2.2. Mã học phần:

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/Thực hành/tự học): (10 LT/15 TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

- + **Bậc đào tạo:** Bác sĩ nội trú
- + **Hình thức đào tạo:** Chính qui, tập trung

2.5. **Yêu cầu của học phần:** (*bắt buộc hay tự chọn*): **Bắt buộc**

2.6. **Các học phần tiên quyết:** Phương tễ học

2.7. **Các yêu cầu khác đối với học phần** (*nếu có*):

2.8. **Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:**

- + **Nghe giảng lý thuyết:** 100 tiết

- + **Làm bài tập trên lớp:** 10 tiết

- + **Thảo luận:** theo nhóm thực hành trên giảng đường: 40 tiết/tổ

- + **Thực hành, thực tập** (*ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...*): Thảo luận tại giảng đường : 40 tiết/tổ; Thực hành lâm sàng tại bệnh viện thực hành 450 tiết/tổ.

- + **Hoạt động theo nhóm:** Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm 5-10 học viên

- + **Tự học:** 0

2.9. **Bộ môn phụ trách học phần:** Bộ môn Nội

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.

2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.

3.1.2. Kỹ năng

Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.

3.1.3. Thái độ

Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

*** Lý thuyết:**

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Tiết tả.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Vị quản thống.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Tiển bí.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Tọa cốt phong.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Lịch tiết phong.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Hạc tất phong.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Cảnh chùy thống.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Ma mộc.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Bán thân bất toại.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Thất miên.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Huyền vụng.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Tiêu khát.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Khái thấu.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Lâm.

- Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị chứng Hoàng đản.

*** Thực hành**

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Tiết tả.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Vị quản thống.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Tiệng bí.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Tọa cốt phong.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Lịch tiết phong.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Cảnh chùy thống.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Hạc tất phong.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Ma mộc.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Tiêu khát.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Huyền vụng.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Bán thân bất toại.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Hoàng đản.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Lâm.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Khái thấu.

- Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc cho ca lâm sàng chứng Thất miên.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1: Tiêu hóa	1. Tiết tả 2. Vị quản thống 3. Tiệt bí 4. Hoàng đản	16 tiết	1. Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu. 2. Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc.	Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	PGS Huy
Chương 2: Cơ xương khớp	1. Tọa cốt phong 2. Lịch tiết phong 3. Cảnh chùy thống 4. Hạc tất phong 5. Ma mịch	20 tiết	1. Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu. 2. Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc.	Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy,	TS Chung
Chương 3: Tổng hợp 1	1. Tiêu khát 2. Huyền vựng 3. Bán thân bất toại 4. Thất miên	16 tiết	1. Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu. 2. Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương	thảo luận	TS Chung

			thuốc.		
Chương 4: Tổng hợp 2	1. Khái thâu 2. Lâm chứng 3. Hư lao 4. Tâm quý	16 tiết	1. Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu. 2. Thăm khám phát hiện được chủ chứng, mô tả được bệnh sinh cốt lõi, xây dựng được phương thuốc.	Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	PGS Huy

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Giảng dạy lý thuyết

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu học viên chuẩn bị	Ghi chú	
		Giờ lên lớp			Thực tập			Tự học
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Đại cương học phần		4	0	0				
Chương 1: Tiêu hóa	1. Tiết tả 2. Vị quản thống 3. Tiệt bí 4. Hoàng đản	16	4	8	Bình bệnh án ca lâm sàng	Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị		
Chương 2: Cơ xương	1. Tọa cốt phong 2. Lịch tiết phong 3. Cảnh chùy thống 4. Hạc tất phong	20	4	8	Bình bệnh án ca lâm	câu hỏi cho nội dung dạy		

khớp	5. Ma mịch				sàng		để thảo luận tương tác.	
Chương 3: Tổng hợp 1	1. Tiêu khát 2. Huyền vụng 3. Bán thân bất toại 4. Thất miên	16	4	8				
Chương 4: Tổng hợp 2	1. Khái thấu 2. Lâm chứng 3. Hư lao 4. Tâm quý	16	4	8				

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên	Điện thoại	Ghi chú
1.	Vị quản thông	8	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	
2.	Tiết tả	8	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	
3.	Tiền bí	8	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	
4.	Hoàng đản	8	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	
5.	Tọa cốt phong	8	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	
6.	Lịch tiết phong	8	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	
7.	Hạc tất phong	8	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	
8.	Cảnh chùy thông	8	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	
9.	Ma mịch	8	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	
10.	Tiêu khát	8	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	
11.	Huyền vụng	8	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	
12.	Khái thấu	8	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	
13.	Lâm chứng	8	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	
14.	Bán thân bất toại	8	Vũ Thị Thuận	0904 415 766	
15.	Hư lao	8	Vũ Thị Thuận	0904 415 766	
16.	Tâm quý	8	Vũ Thị Thuận	0904 415 766	
17.	Thất miên	8	Vũ Thị Thuận	0904 415 766	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác

- Cách thức đánh giá: Lý thuyết: thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận; Lâm sàng: thao tác kỹ năng và tư duy biện chứng theo ca lâm sàng.

- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế.

- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%.

Quy định về thời hạn: Học viên chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 5-10 người. Sinh viên đọc bài và slide để chuẩn bị lên lớp. Trên lớp giảng viên yêu cầu học viên trình bày và phân tích slide.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Phương pháp đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận (nếu có) và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1. Điểm lý thuyết: thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận.

9.2. Điểm thực hành/lâm sàng: thao tác kỹ năng và tư duy biện chứng theo ca lâm sàng.

9.3. Điểm tổng kết học phần: tính trung bình theo trọng số tín chỉ của phần lý thuyết và lâm sàng.

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 20
PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN
(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS Đoàn Quang Huy

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Đoàn Minh Thụy

Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư – Tiến sĩ YHCT

Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT

Điện thoại: 0912933156

email: doanminhthuyvn@yahoo.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Lê Mạnh Cường

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ y khoa

Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT

Điện thoại: 0912234722

email: drcuong68@gmail.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Dương Minh Sơn

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ YHCT

Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT

Điện thoại: 0913553209

email: tuongson.dng@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Chuyên ngành ngoại khoa

Tên tiếng Anh:

2.2. Mã học phần: HVNG

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/thực hành/tự học): 25.0 (8.0 LT/ 17.0 TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: YHCT

+ Bậc đào tạo: Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền.

+ Hình thức đào tạo: Chính quy

2.5. Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn): Tự chọn

2.6. Các học phần tiên quyết:

2.7. Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):

2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 120 tiết

+ Làm bài tập trên lớp:

+ Thảo luận:

+ Thực hành, thực tập (ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...): 510 tiết

+ Hoạt động theo nhóm:

+ Tự học: 0

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại YHCT.

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1. Về kiến thức:

1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh lý ngoại khoa
2. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHD.
3. Giải thích đúng lý do chỉ định phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD.
4. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng châm cứu và thuốc yhct các bệnh lý ngoại khoa.

3.2. Về kỹ năng:

1. Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa
2. Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân, bất cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh.
3. Đưa ra được chỉ định điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa

3.3. Thái độ:

1. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.
2. Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

3.2.1. Lý thuyết

1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHD

2. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán, phương pháp điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa

3. Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh

3.2.2. Thực hành

1. Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh

2. Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT

3. Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ

4. Tóm tắt nội dung học phần

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
	Chương 1: Bệnh lý Da liễu	24	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
	Chương 2: Bệnh lý hậu môn trực tràng	24	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn
	Chương 3: Bệnh lý Y học giới tính	33	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn
	Chương 4: Bệnh lý tim mạch	15	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
			được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ		
	Chương 5: Bệnh lý tiết niệu	24	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn

6. Học liệu (giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)

6.1. Tài liệu chính:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

6.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú	
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập			Tự học
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Chương 1: Bệnh lý Da liễu	24						
2	Chương 2: Bệnh lý hậu môn trực tràng	24						
3	Chương 3: Bệnh lý Y học giới tính	33						
4	Chương 4: Bệnh lý tim mạch	15						
5	Chương 5: Bệnh lý tiết niệu	24						

Giảng dạy thực hành

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Da liễu	102	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	
2	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý hậu môn trực tràng	102	TS. Lê Mạnh Cường.	
3	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Y học giới tính	102	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	
4	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tim mạch	102	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	
5	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tiết niệu	102	Ts. Dương Minh Sơn	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá:
 - o Lý thuyết: thi tự luận/ làm tiểu luận
 - o Thực hành: báo cáo thực hành
- Điểm đạt: từ 4/10 trở lên
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp:
 - o Lý thuyết: nghỉ học không quá 20% tổng số giờ quy định

- o Thực hành: yêu cầu tham gia đầy đủ các buổi thực hành
- Quy định về thời hạn:

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- 9.1 Điểm lý thuyết: thi tự luận/ làm tiểu luận, điểm đạt từ 4/10 trở lên
- 9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: báo cáo thực hành, điểm đạt từ 4/10 trở lên
- 9.3 Điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm học phần} = (\text{điểm lý thuyết} \times 2 + \text{điểm thực hành})/3$$

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Đoàn Minh Thụy

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Chuyên ngành Nhi

1. Thông tin về giảng viên

Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: mời giảng

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại:

Email: @gamil.com

Giảng viên tham gia giảng dạy:

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm liên hệ:

Điện thoại:

email: @gmail.com

2. Thông tin chung về học phần Chuyên ngành Nhi

2.1. Tên học phần: Chuyên ngành Nhi

Tên tiếng Anh: Pediatric major

2.2. Mã học phần: HVNH

2.3. Số tín chỉ (lên lớp/thực hành/tự học): 25,0 (5 LT/20TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền. Mã ngành đào tạo: Bác sĩ Nội trú ngành Y học cổ truyền.

+ Bậc đào tạo: Sau Đại học

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn) Tự chọn

2.6. Các học phần tiên quyết: Các học phần bắt buộc và Chuyên ngành Nội

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 75 tiết

+ Lâm sàng: Thực hành lâm sàng tại bệnh viện thực hành 690 tiết

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức: học bên giường bệnh ca ngắn, học bên giường bệnh ca dài, thảo luận nhóm

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Nhi

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong sinh viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm trẻ em, các khái niệm và nội dung về chẩn đoán, điều trị nhi khoa YHCT
- Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ
- Vận dụng được kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.

3.1.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng thu thập thông tin
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi;
- Kỹ năng vận dụng được vọng vấn vấn thiết trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em

3.1.3. Thái độ:

Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần (viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).

Các đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em, đặc điểm bệnh học, điều trị và chăm sóc, phòng bệnh các bệnh hay gặp ở trẻ em theo YHCT có kết hợp YHHĐ. Cụ thể:

*** Lý thuyết**

Các đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em

Các đặc điểm về điều trị bệnh trẻ em

Các học thuyết YHCT trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh cho trẻ em

*** Thực hành**

Tổ chức thực hành tại các bệnh viện YHCT (bệnh viện YHCT TƯ, Bệnh viện Châm cứu Trung ương, Bệnh viện Nhi TW).

4. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung gồm các kiến thức về đặc điểm bệnh lý, sinh lý trẻ em trong YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em. Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ trẻ em.

Sau khi học xong học phần học viên có kiến thức, kỹ năng, thái độ cao về Nhi YHCT

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1: Đại cương về Nhi Khoa Y Học Cổ Truyền	1. Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền	4	Trình bày được đặc điểm sinh lý và bệnh lý trẻ em theo Y học cổ truyền.	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Mời giảng
	2. Nguyên tắc điều trị nhi khoa yhct	4	Phân tích được các nguyên tắc điều trị trong nhi khoa Y học cổ truyền		
	3. Chẩn đoán nhi khoa yhct	4	Trình bày được tứ chẩn trong Nhi khoa Y học cổ truyền.		
Chương 2: Điều trị một số bệnh trong nhi khoa y học cổ truyền	Suy dinh dưỡng	4tiết	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Táo bón mạn tính	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng,		

chức năng		phòng bệnh và chăm sóc trẻ tảo môn mạn tính theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Tiêu chảy	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ tiêu chảy theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Hen phế quản	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ hen phế quản theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Bại não	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ bại não theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Di chứng viêm não	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ di chứng viêm não theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Liệt vii ngoại biên	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ liệt VII ngoại biên theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Di niệu	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ di niệu theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Co giật	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ co giật theo YHCT có kết hợp YHHĐ		

Sa trực tràng	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ sa trực tràng theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Viêm cầu thận	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Viêm cầu thận theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Sốt xuất huyết	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Sốt xuất huyết theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Sởi	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Sởi theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Quai bị	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Quai bị theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Thủy đậu	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Thủy đậu theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
Chân tay miệng	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Chân tay miệng theo YHCT có kết hợp YHHĐ		

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]Nhi khoa y học cổ truyền, Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhà xuất bản Y học

[2]Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền , Vũ Nam (2005), Nhà xuất bản y học.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, sinh viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)

Lịch trình dạy-học (thiết kế cho cả tiến trình)

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Chương 1: Đại cương về Nhi Khoa Y Học Cổ Truyền	12			Thảo luận (0 T)	12	<i>Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác</i>	
2	Chương 2: Điều trị một số bệnh trong nhi khoa y học cổ truyền	64			Thảo luận (0 T)	64		

Giảng dạy thực hành

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
----	---------------------	---------	-----------------------	---------

1	Đặc điểm nhi khoa yhct	28	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
2	Nguyên tắc điều trị nhi khoa yhct	28	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
3	Chẩn đoán nhi khoa yhct	28	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
4	Suy dinh dưỡng	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
5	Táo bón mạn tính chức năng	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
6	Tiêu chảy	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
7	Hen phế quản	46	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
8	Bại não	46	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
9	Di chứng viêm não	46	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
10	Liệt vùi ngoại biên	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
11	Di niệu	18	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
12	Co giật	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
13	Sa trực tràng	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
14	Viêm cầu thận	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
15	Sốt xuất huyết	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
16	Sởi	18	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
17	Quai bị	18	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
18	Thủy đậu	28	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
19	Chân tay miệng	32	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi trắc nghiệm hoặc tư luận tùy theo yêu cầu thực tiễn của thi lý thuyết. Ưu tiên thi tự luận lý thuyết. Thi lâm sàng tại bệnh viện phần thực hành
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; học lâm sàng phải đạt 90% số buổi có mặt tham gia.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4;

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thực hành và thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) tính theo trọng số điểm

$$TK = 0.4 TH + 0.6 thi.$$

Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/3 điểm là trọng số điểm thực hành và 2/3 điểm là trọng số điểm lý thuyết).


Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Quỳnh Nga